

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**
- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**
- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**
- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1	25230248	35149	Nguyễn Trần Kiều	Anh	Nữ	02/02/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
2	25230340	35150	Trần Huỳnh Hải	Đặng	Nam	05/12/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
3	25230200	35151	Nguyễn Hữu	Danh	Nam	01/03/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
4	25230181	35152	Trần Vũ Nam	Dương	Nam	19/05/2000	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
5	25230077	35153	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	01/02/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
6	25230184	35154	Lâm Huỳnh Thanh	Giang	Nữ	21/05/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
7	25230137	35155	Nguyễn Thị Kim	Hai	Nữ	14/07/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
8	25230171	35156	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	29/08/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	
9	25230427	35157	Hồ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	25/04/2000	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
10	25230320	35158	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Nữ	23/10/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
11	25230006	35159	Nguyễn Cao Thiên	Kiều	Nữ	04/03/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
12	25230008	35160	Nguyễn Hà Phi	Long	Nam	25/11/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
13	25230357	35161	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	26/06/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
14	25230179	35162	Nguyễn Bảo	Minh	Nữ	04/12/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
15	25230297	35163	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	20/11/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
16	25230230	35164	Trần Nguyễn Quỳnh	Ngân	Nữ	20/11/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
17	25230182	35165	Phạm Thị	Nghĩa	Nữ	17/01/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
18	25230396	35166	Nguyễn Hải	Ngọc	Nữ	28/02/2000	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
19	25230365	35167	Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	07/10/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
20	25230064	35168	Mai Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	17/10/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
21	25230073	35169	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	14/10/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
22	25230001	35170	Phạm Phước	Nguyên	Nữ	16/05/2000	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
23	25230407	35171	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	21/09/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
24	25230070	35172	Son Huỳnh	Như	Nữ	14/08/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
25	25230307	35173	Trần Hà Khánh	Như	Nữ	18/09/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
26	25230136	35174	Hồ Thị Kiều	Phúc	Nữ	19/05/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
27	25230289	35175	Võ Trúc	Phương	Nữ	16/10/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
28	25230259	35176	Bùi Minh	Quân	Nam	27/02/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
29	25230056	35177	Hứa Thị Ngân	Tâm	Nữ	03/07/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
30	25230306	35178	Nguyễn Võ Thanh	Tâm	Nữ	30/07/2000	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
31	25230058	35179	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	06/05/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
32	25230224	35180	Võ Phúc	Tân	Nam	04/12/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
33	25230071	35181	Trần Ngô Ngọc	Thanh	Nữ	29/05/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
34	25230312	35182	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/03/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
35	25230148	35183	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	01/12/2001	01.KT	01	BSNT - Nhi khoa	X
36	25230111	35184	Nguyễn Khoa	Thị	Nam	18/08/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
37	25230000	35185	Trương Công	Thịnh	Nam	06/05/2000	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
38	25230225	35186	Lê Đình Minh	Thư	Nữ	03/10/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
39	25230310	35187	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	08/12/2000	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
40	25230308	35188	Phan Quế	Trần	Nữ	22/09/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
41	25230334	35189	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	21/06/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
42	25230152	35190	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	06/02/2000	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
43	25230003	35191	Trần Minh	Trường	Nam	04/12/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
44	25230393	35192	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	Nữ	19/01/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
45	25230369	35193	Trương Đình Thủy	Uyên	Nữ	26/04/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
46	25230021	35194	Nguyễn Đình	Văn	Nam	16/02/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
47	25230246	35195	Bùi Thảo	Vi	Nữ	28/08/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
48	25230209	35196	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	19/03/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
49	25230018	35197	Giang Phú	Yên	Nữ	15/01/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
50	25230163	35198	Trịnh Thị Kiều	Yên	Nữ	14/12/2001	02.KT	02	BSNT - Nhi khoa	X
51	25230007	35199	Đoàn Hồng Khánh	An	Nam	19/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
52	25230127	35200	Lê Nguyễn Thúy	An	Nữ	18/01/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
53	25230019	35201	Văn Thành	An	Nam	16/02/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
54	25230123	35202	Dương Nguyễn Triệu	Anh	Nam	25/11/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
55	25230382	35203	Quách Gia Trung	Anh	Nam	26/06/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
56	25230284	35204	Trần Lâm	Anh	Nữ	23/02/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
57	25230425	35205	Trần Tiểu	Bảo	Nam	16/08/1999	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
58	25230138	35206	Ngô Thị Hồng	Biên	Nữ	14/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
59	25230329	35207	Võ Thị Tô	Chi	Nữ	25/03/1999	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
60	25230031	35208	Châu Chí	Cường	Nam	20/09/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
61	25230215	35209	Phan Trí	Cường	Nam	25/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
62	25230049	35210	Lê Quốc	Đại	Nam	09/02/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
63	25230288	35211	Lê Hoàng Hải	Đăng	Nam	05/09/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
64	25230290	35212	Nguyễn Trí	Danh	Nam	11/11/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
65	25230391	35213	Trịnh Nhật	Đô	Nam	29/05/2000	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
66	25230208	35214	Trương Hữu	Đức	Nam	04/02/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
67	25230005	35215	La Tấn	Dũng	Nam	27/10/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
68	25230167	35216	Bùi Nguyễn Trường	Duy	Nam	19/09/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
69	25230197	35217	Dương Nhật	Duy	Nam	04/04/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
70	25230143	35218	Lê Trương Khánh	Duy	Nam	23/07/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
71	25230023	35219	Lê Khánh	Hà	Nữ	13/08/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
72	25230360	35220	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	01/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
73	25230134	35221	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	07/11/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
74	25230342	35222	Nguyễn An	Hào	Nam	09/08/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
75	25230166	35223	Đỗ Minh	Hiền	Nam	02/04/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
76	25230022	35224	Lê Xuân	Hiếu	Nam	12/01/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
77	25230190	35225	Trần Công	Hiếu	Nam	04/09/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
78	25230322	35226	Lê Thành Hữu	Hiệu	Nam	15/06/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
79	25230065	35227	Phạm Hồ Liên	Hoa	Nữ	04/10/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
80	25230133	35228	Nguyễn Lê Quốc	Hòa	Nam	03/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
81	25230232	35229	Lương Thiên	Hương	Nữ	16/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
82	25230400	35230	Nguyễn Ngọc Diễm	Huỳnh	Nữ	01/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
83	25230169	35231	Trần Quốc	Kha	Nam	22/11/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
84	25230145	35232	Ông Vinh	Khang	Nam	26/12/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
85	25230057	35233	Võ Chí	Khang	Nam	15/09/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
86	25230268	35234	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	18/04/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
87	25230083	35235	Nguyễn Thị Tiểu	Linh	Nữ	16/08/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
88	25230406	35236	Dương Lê Tú	Loan	Nữ	05/06/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
89	25230325	35237	Nguyễn Lê Mỹ	Lộc	Nữ	11/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
90	25230299	35238	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	24/06/2000	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
91	25230398	35239	Đặng Lê	Minh	Nam	20/08/1999	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
92	25230228	35240	Đoàn Ngọc	Minh	Nữ	26/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
93	25230110	35241	Nguyễn Đức	Minh	Nam	06/04/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
94	25230381	35242	Nguyễn Thị Thiện	Minh	Nữ	18/11/2000	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
95	25230429	35243	Trương Hoàng Nhật	Minh	Nam	26/05/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
96	25230304	35244	Từ Thị Gia	Minh	Nữ	06/05/2000	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
97	25230125	35245	Trần Trí	Nam	Nam	14/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
98	25230015	35246	Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	09/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
99	25230078	35247	La Thị Thanh	Ngân	Nữ	15/12/2000	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
100	25230383	35248	Hà Thanh	Ngọc	Nữ	19/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
101	25230202	35249	Nguyễn Huỳnh An	Ngọc	Nữ	25/03/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
102	25230233	35250	Nguyễn Thị Thuý	Ngọc	Nữ	05/05/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	
103	25230178	35251	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	Nữ	04/09/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
104	25230168	35252	Janet	Nguyen	Nữ	02/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
105	25230098	35253	Hà Hữu	Nhân	Nam	05/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
106	25230244	35254	Trần Nguyễn Thiên	Nhân	Nam	06/06/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
107	25230079	35255	Trương Ngọc Trung	Nhân	Nam	19/04/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
108	25230361	35256	Huỳnh Tâm	Như	Nữ	29/08/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
109	25230074	35257	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	21/07/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
110	25230397	35258	Châu Nhuận	Phát	Nam	24/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
111	25230236	35259	Cao Trà Hoàng	Phong	Nam	27/08/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
112	25230164	35260	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	26/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
113	25230199	35045	Nguyễn Trần Ái	Đăng	Nữ	17/07/1999	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
114	25230250	35046	Trần Khánh	Diệu	Nữ	28/10/2011	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
115	25230415	35047	Trần Thị Thúy	Duy	Nữ	19/01/2000	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
116	25230413	35048	Nguyễn Anh	Hào	Nam	09/01/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
117	25230249	35049	Huỳnh Như	Hào	Nữ	22/04/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
118	25230033	35050	Phạm Lâm Ngọc Thiên	Hương	Nữ	28/12/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
119	25230270	35051	Dương Ngọc	Linh	Nữ	22/11/2000	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
120	25230011	35052	Trần Thị Thuý	Linh	Nữ	21/08/2000	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
121	25230067	35053	Huỳnh Nguyễn Gia	Minh	Nam	08/11/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
122	25230359	35054	Nguyễn Khải	Minh	Nam	13/01/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
123	25230305	35055	Đỗ Ngọc Hoàng	My	Nữ	19/08/2000	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
124	25230068	35056	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	15/10/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
125	25230038	35057	Trần Lê Hoàng	Oanh	Nữ	16/05/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
126	25230405	35058	Lê Trần	Phúc	Nam	19/07/2000	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
127	25230053	35059	Vô Hữu	Tài	Nam	23/07/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
128	25230315	35060	Trần Huỳnh	Thái	Nam	13/06/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
129	25230339	35061	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/01/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
130	25230275	35062	Trương Nguyễn Tâm	Thảo	Nữ	02/11/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
131	25230175	35063	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	04/11/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
132	25230103	35064	Nguyễn Quế	Thư	Nữ	10/12/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
133	25230347	35065	Huỳnh Bảo	Trần	Nữ	28/02/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	
134	25230144	35066	Lưu Mỹ	Trần	Nữ	08/11/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	
135	25230156	35067	Dương Diệp Thiên	Tường	Nữ	19/07/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- X: **Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước 9g00 ngày 25/8/2025, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
136	25230256	35068	Nguyễn Võ Khánh	Văn	Nam	26/09/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
137	25230374	35069	Trương Nữ Thúy	Vy	Nữ	03/10/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
138	25230238	35070	Hồng Mỹ	Yến	Nữ	12/05/2001	05.KT	05	BSNT - Da liễu	X
139	25230141	35261	Lý Quốc	Tấn	Nam	19/08/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
140	25230151	35262	Lê Hồ Phương	Thảo	Nữ	14/03/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
141	25230424	35263	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/09/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
142	25230333	35264	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/09/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
143	25230395	35265	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	11/06/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
144	25230010	35266	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	27/09/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
145	25230221	35267	Huỳnh Phúc	Thịnh	Nam	04/05/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
146	25230389	35268	Mã Phúc	Thịnh	Nam	17/03/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
147	25230404	35269	Dương Phạm Minh	Thông	Nam	04/01/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
148	25230119	35270	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	29/07/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
149	25230402	35271	Tạ Phú	Thuận	Nam	26/02/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
150	25230128	35272	Nguyễn Ngọc Minh	Thùy	Nữ	10/03/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
151	25230055	35273	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	29/11/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
152	25230059	35274	Trần Thanh	Thuyền	Nam	19/12/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
153	25230115	35275	Nguyễn Thị Mỹ	Tiến	Nữ	05/10/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
154	25230217	35276	Võ Hoàng	Tiến	Nam	13/10/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	
155	25230020	35277	Nguyễn Văn	Tín	Nam	26/08/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
156	25230262	35278	Triệu Quốc	Toàn	Nam	11/01/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
157	25230187	35279	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	29/04/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
158	25230172	35280	Đỗ Ngọc	Trân	Nữ	19/12/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
159	25230088	35281	Ngô Thùy	Trang	Nữ	01/01/1999	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
160	25230280	35282	Nguyễn Quốc	Trị	Nam	20/06/2001	02.KT	02	BSNT - Nội khoa	X
161	25230237	35283	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	Nữ	23/03/2000	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
162	25230337	35284	Lê An	Trường	Nam	02/05/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
163	25230105	35285	Trần Quang	Trường	Nam	28/08/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	
164	25230085	35286	Trương Ngọc	Tú	Nam	26/09/2001	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
165	25230309	35287	Lê Minh	Tuấn	Nam	19/11/2000	03.KT	03	BSNT - Nội khoa	X
166	25230278	35288	Bùi Thị Kim	Tuyền	Nữ	12/10/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
167	25230094	35289	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	19/04/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
168	25230247	35290	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	29/01/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
169	25230066	35291	Trần Thị Như	Ý	Nữ	14/11/2001	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	X
170	25230418	35292	Danh Hoài	Yến	Nam	12/12/2000	04.KT	04	BSNT - Nội khoa	
171	25230087	35398	Trần Nguyễn Thuý	Dương	Nữ	27/07/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
172	25230287	35399	Lê Hoàng Nhật	Duy	Nam	12/09/2000	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
173	25230092	35400	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	13/03/2000	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
174	25230013	35401	Nguyễn Minh	Nhí	Nam	15/10/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
175	25230132	35402	Bùi Nguyễn	Như	Nam	25/06/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
176	25230414	35403	Trương Ngọc	Quang	Nam	29/04/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
177	25230416	35404	Nguyễn Trần Phương	Thảo	Nữ	25/11/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
178	25230371	35405	Hoàng Anh	Thư	Nữ	16/10/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
179	25230149	35406	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	17/11/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
180	25230352	35407	Sơn Thảo	Trân	Nữ	16/11/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
181	25230160	35408	Quảng Diễm	Y	Nữ	06/02/2001	05.KT	05	BSNT - Y học cổ truyền	X
182	25230124	35071	Lê Thị Kiều	Anh	Nữ	12/01/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
183	25230104	35072	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Nữ	06/11/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
184	25230029	35073	Trần Thành	Đạt	Nam	09/03/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
185	25230311	35074	Nguyễn Tường	Duy	Nữ	04/07/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
186	25230091	35075	Trần Vinh	Duy	Nam	15/06/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
187	25230366	35076	Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	20/10/2000	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
188	25230242	35077	Hồ Vĩnh	Nguyên	Nam	15/04/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
189	25230084	35078	Lê Thị Tuyết	Nhi	Nữ	05/11/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
190	25230263	35079	Tăng Tâm	Như	Nữ	14/04/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
191	25230219	35080	Nguyễn Tuấn	Nhật	Nam	06/06/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
192	25230140	35081	Trần	Phú	Nam	17/04/2000	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
193	25230063	35082	Võ Thị Thúy	Quyên	Nữ	04/07/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
194	25230116	35083	Võ Hồng	Thư	Nữ	19/10/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	
195	25230220	35084	Trương Nhật	Tiến	Nam	13/07/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
196	25230251	35085	Nguyễn Hữu	Tính	Nam	10/10/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
197	25230227	35086	Nguyễn Đặng Xuân	Trâm	Nữ	23/01/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
198	25230210	35087	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12/08/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
199	25230319	35088	Nguyễn Hàn Huyền	Trần	Nữ	28/07/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
200	25230412	35089	Văn Tường	Vy	Nữ	07/09/2001	06.KT	06	BSNT - Gây mê hồi sức	X
201	25230218	35374	Trần Lâm Thái	Bảo	Nam	18/05/2000	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
202	25230258	35375	Bùi Bảo	Duy	Nam	19/10/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
203	25230316	35376	Trương Thanh	Hải	Nam	22/02/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
204	25230030	35377	Tô Hồ An	Khang	Nam	04/10/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
205	25230332	35378	Lê Thị Kim	Liên	Nữ	07/03/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
206	25230026	35379	Dương Bình	Nguyên	Nam	19/04/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
207	25230086	35380	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	24/12/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
208	25230355	35381	Lưu Hải	Sơn	Nam	19/07/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
209	25230118	35382	Kiểm Phương	Thái	Nam	27/01/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
210	25230390	35383	Lê Huỳnh Anh	Thư	Nữ	12/12/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
211	25230213	35384	Trần Anh	Thư	Nữ	29/06/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
212	25230061	35385	Phạm Lê Phương	Trúc	Nữ	19/04/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
213	25230327	35386	Đỗ Mạnh	Tường	Nam	26/06/1993	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
214	25230157	35387	Lê Thị Thanh	Uyên	Nữ	05/06/2001	06.KT	06	BSNT - Thần kinh	X
215	25230076	35309	Nguyễn Phước	An	Nam	16/05/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
216	25230198	35310	Lưu Quang Trường	Anh	Nữ	08/06/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
217	25230271	35311	Lê Thảo	Chân	Nữ	08/04/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
218	25230235	35312	Phạm Nguyễn Phương	Đài	Nữ	03/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
219	25230014	35313	Đặng Yên	Đan	Nữ	01/01/2000	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
220	25230027	35314	Phạm Đỗ Hải	Đăng	Nam	21/08/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
221	25230039	35315	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	17/06/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
222	25230367	35316	Nguyễn Tấn	Dương	Nam	16/08/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
223	25230203	35317	Lê Thuý	Duy	Nữ	03/02/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
224	25230205	35318	Huỳnh Thị Hà	Giang	Nữ	03/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
225	25230286	35319	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	Nữ	08/09/1999	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
226	25230423	35320	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	21/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
227	25230072	35321	Nguyễn Chí	Hào	Nam	30/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
228	25230420	35322	Trần Tân Nhật	Hào	Nam	05/05/2000	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
229	25230313	35323	Ngô Huỳnh Xuân	Hồng	Nữ	15/06/1999	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
230	25230385	35324	Dương Chấn	Hưng	Nam	30/06/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
231	25230403	35325	Lê Trần Đăng	Huy	Nam	13/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
232	25230379	35326	Nguyễn Duy	Khang	Nam	07/10/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	
233	25230336	35327	Trương Đức Bảo	Khang	Nam	16/10/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
234	25230193	35328	Trần Nguyễn Yến	Khoa	Nữ	26/03/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
235	25230343	35329	Vương Nguyễn Hoàng	Kim	Nữ	25/12/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
236	25230207	35330	Trần Thanh	Ký	Nam	30/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
237	25230226	35331	Đặng Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	01/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
238	25230375	35332	Vương Yến	Linh	Nữ	12/08/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
239	25230189	35333	Trần Huỳnh	Lượng	Nam	08/02/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
240	25230032	35334	Thái Thị Xuân	Mai	Nữ	29/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
241	25230046	35335	Lê Thị Kim	Mộng	Nữ	21/03/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	
242	25230301	35336	Đặng Thị Thảo	Ngân	Nữ	06/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	
243	25230016	35337	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	12/12/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
244	25230318	35338	Võ Trần Mẫn	Nghi	Nữ	01/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
245	25230212	35339	Dương Yến	Ngọc	Nữ	04/06/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
246	25230180	35340	Trần Thị Như	Ngọc	Nữ	03/05/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
247	25210258	35341	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	21/04/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
248	25230045	35342	Nguyễn Hồng	Phán	Nữ	02/05/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
249	25230408	35343	Hồ Thị Ái	Phương	Nữ	26/10/2000	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
250	25230362	35344	Nguyễn Thị Trúc	Phương	Nam	14/12/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
251	25230428	35345	Nguyễn Hoàng	Quang	Nam	19/03/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
252	25230113	35346	Nguyễn Hoàng Châu	Quyên	Nữ	25/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
253	25230323	35347	Phan Duy	Tân	Nam	19/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
254	25230384	35348	Bùi Anh	Thị	Nữ	10/11/1999	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
255	25230099	35349	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	18/02/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
256	25230154	35350	Lý Thanh	Tiến	Nam	14/11/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
257	25230122	35351	Lê Thành	Tín	Nam	22/09/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
258	25230036	35352	Phan Linh	Tịnh	Nữ	10/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
259	25230009	35353	Lê Thị Thảo	Trinh	Nữ	16/01/2000	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
260	25230255	35354	Thạch Thị Diễm	Trinh	Nữ	01/01/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
261	25230409	35355	Trần Ngọc Phương	Tuyền	Nữ	28/07/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
262	25230158	35356	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	13/06/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
263	25230146	35357	Lý Quốc	Y	Nam	13/08/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
264	25230120	35358	Nguyễn Mai Ngọc	Yến	Nữ	23/09/2001	08.KT	07	BSNT - Sản phụ khoa	X
265	25230234	35090	Nguyễn Phúc	Ấn	Nam	14/12/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
266	25230370	35091	Lê Mai Vân	Anh	Nữ	01/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	
267	25230417	35092	Trần Nhật	Anh	Nam	30/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
268	25230162	35093	Thái	Bình	Nam	20/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
269	25230192	35094	Nguyễn Việt	Chương	Nam	16/07/2025	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
270	25230269	35095	Trần Vĩ	Cơ	Nam	27/05/2000	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
271	25230060	35096	Trần Quốc	Cường	Nam	14/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
272	25230035	35097	Trương Chí	Đại	Nam	28/10/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
273	25230102	35098	Trần Cao	Đức	Nam	18/08/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
274	25230195	35099	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	09/05/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
275	25230387	35100	Kim Hoàn	Gia	Nam	15/03/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
276	25230107	35101	Bạch Nguyễn Minh	Hiển	Nam	29/06/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
277	25230130	35102	Nguyễn Chí	Hiếu	Nam	05/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
278	25230095	35103	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	11/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
279	25230372	35104	Huỳnh Quốc	Hùng	Nam	07/11/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
280	25230245	35105	Lê Quốc	Khang	Nam	05/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
281	25230093	35106	Đặng Trần Đăng	Khoa	Nam	09/10/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
282	25230401	35107	Đỗ Hoàng Anh	Khoa	Nam	19/09/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
283	25230131	35108	Trần Đăng	Khoa	Nam	26/03/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
284	25230324	35109	Nguyễn Ngọc Mẫn	Kiều	Nữ	03/05/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
285	25230139	35110	Phan Thành	Lộc	Nam	16/08/1997	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
286	25230326	35111	Nguyễn Công	Minh	Nam	29/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
287	25230034	35112	Lê Bảo	Ngân	Nữ	23/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
288	25230348	35113	Ngô Thị Hồng	Ngân	Nữ	07/04/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
289	25230277	35114	Lê Hoàng Minh	Nghĩa	Nam	17/02/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
290	25230174	35115	Phạm Như Thảo	Ngọc	Nữ	11/08/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
291	25230188	35116	Nguyễn Đào Thùy	Nguyên	Nữ	22/08/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
292	25230081	35117	Quách Thế	Nguyễn	Nam	04/08/2000	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
293	25230090	35118	Kiên Lê Thanh	Nhã	Nam	27/09/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
294	25230282	35119	Bùi Lê Tâm	Như	Nữ	03/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
295	25230341	35120	Trịnh Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/09/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
296	25230399	35121	Lê Trọng	Phúc	Nam	25/10/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
297	25230185	35122	Bùi Khắc	Qui	Nam	27/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
298	25230052	35123	Phan Hoàng	Sơn	Nam	10/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
299	25230216	35124	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	10/10/2000	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
300	25230042	35125	Nguyễn Thanh Nhật	Tân	Nam	21/05/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
301	25230177	35126	Nguyễn Hữu	Tánh	Nam	01/05/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
302	25230394	35127	Nguyễn Lê Ngọc	Trân	Nữ	05/01/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
303	25230328	35128	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	14/08/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
304	25230121	35129	Lê Thành	Trí	Nam	22/09/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
305	25230298	35130	Nguyễn Hoàng	Trọng	Nam	18/05/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
306	25230051	35131	Đào Trọng	Tuấn	Nam	05/07/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
307	25230376	35132	Trần Vô Tổ	Uyên	Nữ	24/06/2001	09.KT	08	BSNT - Ngoại khoa	X
308	25230266	35022	Công	Chinh	Nam	11/01/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
309	25230330	35023	Lê Dương Anh	Duy	Nam	26/07/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
310	25230253	35024	Nguyễn Lam	Duy	Nam	21/02/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
311	25230024	35025	Lê Nhật	Hào	Nam	06/06/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
312	25230274	35026	Dương Minh	Hậu	Nam	01/09/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
313	25230344	35027	Đỗ	Huỳnh	Nam	03/04/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	
314	25230356	35028	Trần Minh	Khôi	Nam	26/02/2001	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X
315	25230206	35029	Đặng Duy	Lộc	Nam	16/11/2000	09.KT	09	BSNT - Chẩn thương chỉnh hình	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
316	25230186	35030	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	01/09/2000	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
317	25230173	35031	Dương Nghị	Luận	Nam	02/10/2000	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
318	25230291	35032	Quách Trường	Mến	Nam	24/10/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
319	25230294	35033	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	01/10/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
320	25230109	35034	Võ Phước	Nghĩa	Nam	17/02/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
321	25230241	35035	Phạm Thanh	Nhân	Nam	28/02/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
322	25230363	35036	Trịnh Thị Ý	Như	Nữ	16/02/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
323	25230183	35037	Phạm Hoài	Ninh	Nam	23/11/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	
324	25230272	35038	Nguyễn Nhất Kỳ	Quan	Nam	11/09/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
325	25230050	35039	Trần Huỳnh Minh	Thiện	Nam	13/03/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
326	25230214	35040	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	31/07/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
327	25230176	35041	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	01/03/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
328	25230302	35042	Nguyễn Trần Việt	Tiến	Nam	24/01/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
329	25230129	35043	Võ Lê Quang	Trí	Nam	08/05/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
330	25230117	35044	Tạ Hữu	Trọng	Nam	13/01/2001	09.KT	09	BSNT - Chấn thương chỉnh hình	X
331	25230411	35388	Lê Lan	Anh	Nữ	18/07/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
332	25230082	35389	Trương Tấn	Đạt	Nam	08/10/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
333	25230147	35390	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	30/03/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
334	25230331	35391	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hân	Nữ	27/11/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
335	25230126	35392	Nguyễn Huy	Long	Nam	13/11/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
336	25230317	35393	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	04/09/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
337	25230426	35394	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	27/01/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
338	25230364	35395	Trần Thanh	Nhã	Nam	16/10/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
339	25230254	35396	Nguyễn Thị Mai	Nhi	Nam	22/03/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
340	25230349	35397	Đỗ Thị Hoài	Thu	Nữ	14/09/2001	09.KT	09	BSNT - Ung thư	X
341	25230100	35133	Phạm Kim	Anh	Nữ	11/02/2000	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
342	25230257	35134	Đinh Ngô Thái	Bảo	Nam	27/05/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
343	25230135	35135	Nguyễn Phạm Như	Bình	Nữ	17/05/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
344	25230062	35136	Nguyễn Bích	Chăm	Nữ	04/10/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
345	25230295	35137	Nguyễn Ái Hồng	Chương	Nam	05/06/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
346	25230069	35138	Nguyễn Việt	Hòa	Nam	01/07/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
347	25230037	35139	Nguyễn Hoàng	Khải	Nam	09/04/2000	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
348	25230354	35140	Lê Quan	Linh	Nam	16/03/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
349	25230048	35141	Phạm Ngọc	Minh	Nữ	25/08/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
350	25230296	35142	Nguyễn Phúc Hồng	Ngọc	Nữ	25/10/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
351	25230028	35143	Thạch Phương	Nguyên	Nam	06/06/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
352	25230281	35144	Nguyễn Ngọc Tường	Ninh	Nữ	04/09/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
353	25230025	35145	Vĩ	Thục	Nam	22/10/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
354	25230421	35146	Bành Thị Ngọc	Trúc	Nữ	20/03/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	
355	25230419	35147	Phan Lê	Vinh	Nam	27/01/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	
356	25230350	35148	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	09/02/2001	10.KT	10	BSNT - Nhân khoa	X
357	25230293	35359	Trương Thuận	Cảnh	Nam	19/02/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
358	25230043	35360	Ngô Nhật	Duy	Nam	28/04/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
359	25230101	35361	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	28/03/2000	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
360	25230373	35362	Huỳnh Lê Anh	Kiệt	Nam	17/04/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
361	25230196	35363	Ôn Vinh	Luân	Nam	12/11/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	
362	25230377	35364	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	19/06/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
363	25230243	35365	Võ Minh Dung	Ngân	Nữ	09/05/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
364	25230252	35366	Trương Thị Ngọc	Như	Nữ	18/02/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
365	25230358	35367	Đoàn Quốc	Pháp	Nam	01/11/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
366	25230108	35368	Phan Ngọc Đan	Thanh	Nữ	04/07/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
367	25230279	35369	Đặng Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	13/06/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
368	25230041	35370	Mai Thị Huỳnh	Trần	Nữ	16/03/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
369	25230351	35371	Hồ Nguyễn Minh	Trang	Nữ	28/09/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	
370	25230161	35372	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	09/11/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
371	25230229	35373	Huỳnh Long	Vũ	Nam	15/06/2001	10.KT	10	BSNT - Tai Mũi Họng	X
372	25230194	35001	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	Nam	20/06/1999	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
373	25230211	35002	Đào Minh	Chánh	Nam	21/07/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
374	25230204	35003	Trần Hữu	Đặng	Nam	02/03/2000	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
375	25230004	35004	Trương Công	Đặng	Nam	25/08/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
376	25230106	35005	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	15/04/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	
377	25230314	35006	Nguyễn Quang	Huy	Nam	26/12/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
378	25230239	35007	Hứa Đoan	Khánh	Nữ	12/09/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	
379	25230264	35008	Lâm Cao	My	Nữ	08/10/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
380	25230346	35009	Phạm Thành	Nam	Nam	04/07/1993	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
381	25230285	35010	Nguyễn Hồ Kim	Ngân	Nam	02/09/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
382	25230150	35011	Hoàng Phan Yến	Nhi	Nữ	01/06/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
383	25230261	35012	Nguyễn Hoàng	Quang	Nam	19/03/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
384	25230222	35013	Nguyễn Lưu Ngọc	Thư	Nữ	03/08/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
385	25230159	35014	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	01/01/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
386	25230265	35015	Thạch Nguyễn Minh	Thư	Nữ	12/01/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
387	25230096	35016	Thạch Hoàng Minh	Thuận	Nam	08/01/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
388	25230112	35017	Từ Huyền	Trần	Nữ	03/11/2000	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
389	25230047	35018	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	08/06/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
390	25230231	35019	Đoàn Thái	Tuyền	Nữ	29/04/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
391	25230338	35020	Nguyễn Đặng Thanh	Vân	Nữ	02/10/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
392	25230191	35021	Liêu Hà Khánh	Vy	Nữ	02/11/2001	10.KT	11	BSNT - Chẩn đoán hình ảnh	X
393	25230044	35293	Bùi Huỳnh	Anh	Nữ	28/02/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
394	25230075	35294	Lê Đặng Phước	Anh	Nam	14/11/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
395	25230142	35295	Trần Mạnh	Cường	Nam	02/04/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
396	25230267	35296	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	06/08/2000	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	
397	25230300	35297	Huỳnh Nhật	Duy	Nam	18/08/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
398	25230114	35298	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	07/11/2000	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
399	25230089	35299	Bành Nguyễn Nguyên	Khánh	Nam	02/09/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
400	25230303	35300	Huỳnh Trà	Mi	Nữ	15/05/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
401	25230335	35301	Nguyễn Cao Mỹ	Ngân	Nữ	26/08/2000	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
402	25230422	35302	Trần Thiện Châu	Ngân	Nữ	07/09/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
403	25230097	35303	Lâm Tịnh	Như	Nữ	06/08/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
404	25230080	35304	Nguyễn Hồng	Phát	Nam	15/01/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
405	25230321	35305	Đỗ Đức	Quân	Nam	08/05/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
406	25230170	35306	Giang Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	03/01/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
407	25230240	35307	Trần Trung	Tín	Nam	29/12/2001	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
408	25230002	35308	Quách Lê Thúy	Vy	Nữ	02/12/2000	10.KT	11	BSNT - Răng Hàm Mặt	X
409	25220056	23001	Bùi Xuân	Dân	Nam	25/07/1981	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
410	25220019	23002	Phan Trọng	Hùng	Nam	22/09/1990	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
411	25220021	23003	Nguyễn Quý	Lai	Nam	09/10/1991	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	X
412	25220070	23004	Trần Hoài	Nhiên	Nữ	23/02/1989	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
413	25220042	23005	Thạch Văn	Tiến	Nam	01/01/1982	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
414	25220035	23006	Trần Lê	Trung	Nam	19/08/1991	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
415	25220037	23007	Đào Xuân Anh	Vũ	Nam	13/05/1993	04.YT	12	CK2 - Chẩn đoán hình ảnh	
416	25220074	23034	Vương Mỹ	Dung	Nữ	01/10/1988	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
417	25220018	23035	Trịnh Sáng	Em	Nam	26/09/1984	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
418	25220086	23036	Dương Văn	Hạnh	Nam	14/02/1982	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
419	25220045	23037	Nguyễn Minh	Khâm	Nam	07/07/1986	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
420	25220027	23038	Lê Thị Nguyệt	Minh	Nữ	18/12/1983	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
421	25220009	23039	Đinh Hữu	Nhưt	Nam	15/07/1991	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
422	25220005	23040	Trần Nguyễn Thanh	Phong	Nam	11/02/1987	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	X
423	25220028	23041	Nguyễn Thành	Phú	Nam	26/09/1985	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
424	25220043	23042	Tô Hồng	Thơ	Nữ	21/10/1974	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
425	25220025	23043	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	06/12/1986	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
426	25220008	23044	Huỳnh Quốc	Toàn	Nam	09/02/1994	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
427	25220083	23045	Đinh Tuấn	Vinh	Nam	30/11/1980	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
428	25220061	23085	Quách Tấn	Đạt	Nữ	18/01/1988	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	X
429	25220004	23086	Trần Anh	Tài	Nam	24/10/1977	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
430	25220003	23087	Nguyễn Thị	Gọn	Nam	01/07/1978	04.YT	12	CK2 - Nội khoa	
431	25220040	23049	Nguyễn Văn	Bình	Nam	20/01/1986	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
432	25220015	23050	Nguyễn Thị Kim	Chương	Nữ	25/05/1986	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
433	25220063	23051	Đặng Việt	Cường	Nam	14/04/1991	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
434	25220016	23052	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	09/06/1972	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
435	25220078	23053	Tổng Phước	Hiệp	Nam	06/10/1990	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
436	25220069	23054	Đinh Thị Minh	Khuê	Nữ	21/05/1992	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
437	25220099	23055	Đỗ Hà Bích	Lam	Nữ	16/02/1985	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
438	25220077	23056	Nguyễn Thị Chi	Lan	Nữ	22/09/1988	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
439	25220098	23057	Hà Văn	Lâu	Nam	06/05/1988	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
440	25220006	23058	Lê Việt Thảo	Linh	Nữ	08/03/1982	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
441	25220058	23059	Huỳnh Thúy	Nga	Nữ	09/08/1982	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
442	25220109	23060	Võ Tấn	Phúc	Nam	13/10/1994	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
443	25220071	23061	Đỗ Khuu	Thịnh	Nam	31/05/1988	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
444	25220100	23062	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	11/05/1990	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
445	25220024	23063	Dương Vũ Quỳnh	Tiến	Nữ	31/01/1990	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
446	25220010	23064	Mai Xuân	Tiến	Nam	03/04/1984	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
447	25220032	23065	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nam	16/12/1977	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
448	25220110	23066	Phạm Thị Thảo	Trang	Nữ	02/11/1987	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
449	25220094	23067	Trần Lập	Trí	Nam	06/04/1989	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
450	25220020	23068	Võ Minh	Tú	Nam	15/01/1984	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
451	25220038	23069	Trần Văn	Vui	Nam	20/05/1974	04.YT	12	CK2 - Răng Hàm Mặt	
452	25210691	10375	Ngươn Nhật	Anh	Nữ	29/04/1998	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
453	25210645	10376	Nguyễn Hồng Ngọc	Anh	Nữ	16/12/1994	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
454	25210348	10377	Vũ Ngọc An	Bình	Nam	21/07/1988	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
455	25210153	10378	Nguyễn Quốc	Chí	Nam	19/05/1978	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
456	25210495	10379	Hồ Quảng	Cơ	Nam	24/10/1977	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
457	25210706	10380	Ngô Minh	Cường	Nam	06/11/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
458	25210478	10381	Trần Văn	Đạt	Nam	20/03/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
459	25210432	10382	Võ Tư	Đẹp	Nam	08/10/1993	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
460	25210779	10383	Nguyễn Xuân	Diễn	Nam	29/09/1993	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
461	25210679	10384	Nguyễn Tấn	Diệu	Nam	01/05/1996	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
462	25210317	10385	Nguyễn Hiền Việt	Dũng	Nam	25/01/1986	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
463	25210581	10386	Nguyễn Huynh	Duy	Nam	05/07/1996	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
464	25210561	10387	Trương Nhật	Duy	Nam	24/08/1998	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
465	25210368	10388	Huỳnh Như	Duyên	Nam	31/12/1983	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
466	25210053	10389	Lê Viết	Gia	Nam	27/11/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
467	25210738	10390	Đào Ngọc	Hải	Nam	21/12/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
468	25210716	10391	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	29/10/1996	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
469	25210089	10392	Phạm Hồng	Hào	Nam	09/01/1995	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
470	25210460	10393	Trần Văn	Hiển	Nam	04/02/1995	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
471	25210453	10394	Lâm Thanh	Hiệp	Nam	24/03/1984	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
472	25210358	10395	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	02/10/1994	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
473	25210401	10396	Phan Trung	Hiếu	Nam	29/01/1999	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
474	25210650	10397	Vũ Đình Khánh	Hoàng	Nam	12/09/1990	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
475	25210191	10398	Ngô Thị Vân	Hương	Nữ	20/10/1969	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
476	25210009	10399	Võ Thị Quỳnh	Hương	Nữ	17/08/1998	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
477	25210227	10400	Phạm Đình	Hường	Nam	07/05/1970	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
478	25210424	10401	Phạm Bảo Hoàng	Huy	Nam	22/12/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
479	25210001	10402	Đào Vũ Yên	Khang	Nam	30/04/1990	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
480	25210808	10403	Trần Đình	Khoa	Nam	29/09/1994	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
481	25210622	10404	Đồng Tấn	Khôi	Nam	21/09/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
482	25210250	10405	Trình Thanh	Khuyên	Nam	10/02/1992	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
483	25210639	10406	Lê Thị Như	Lan	Nữ	05/01/1997	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
484	25210578	10407	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/05/1998	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
485	25210790	10408	Võ Thị Thuý	Linh	Nữ	04/12/1991	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
486	25210514	10409	Phan Thị Mỹ	Loan	Nữ	19/08/1989	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
487	25210661	10410	Vũ Thị	Loan	Nữ	23/05/1986	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
488	25210387	10411	Phạm Văn	Long	Nam	29/07/1996	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
489	25210642	10412	Huỳnh	Luân	Nam	11/11/1988	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
490	25210718	10413	Dương Xuân	Lực	Nam	18/01/1995	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
491	25210479	10414	Đình Thế	Mạnh	Nam	25/11/1996	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
492	25210025	10415	Nguyễn Văn Công	Minh	Nam	16/01/1995	02.YT	13	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
493	25210105	10416	Đình Ngọc	Mỹ	Nữ	23/06/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
494	25210715	10417	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	03/02/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
495	25210205	10418	Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	18/06/1982	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
496	25210254	10419	Phan Sĩ	Nguyên	Nam	03/10/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
497	25210534	10420	Bùi Đức	Nhiên	Nam	21/03/1986	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
498	25210766	10421	Đặng Thị	Oanh	Nữ	27/02/1992	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
499	25210675	10422	Nguyễn Thế	Phát	Nam	30/06/1998	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
500	25210575	10423	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	12/05/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
501	25210802	10424	Trần Quang	Phúc	Nam	09/12/1982	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
502	25210331	10425	Trương Văn	Phụng	Nam	12/07/1978	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
503	25210207	10426	Dương Công	Quốc	Nam	25/01/1995	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
504	25210489	10427	Hoàng Ngọc	Quý	Nam	29/11/1998	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
505	25210627	10428	Nguyễn Duy	Son	Nam	26/08/1989	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
506	25210528	10429	Nguyễn Thái	Son	Nam	13/02/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
507	25210464	10430	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	13/12/1993	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
508	25210319	10431	Nguyễn Nhựt	Tân	Nam	26/02/1995	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
509	25210248	10432	Nguyễn Đức	Thành	Nam	19/10/1992	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
510	25210263	10433	Nguyễn Thị Trúc	Thành	Nữ	06/01/1988	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
511	25210305	10434	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	03/03/1993	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
512	25210461	10435	Trịnh Quang	Thế	Nam	19/05/1994	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
513	25210753	10436	Lê Hoàng	Thơ	Nữ	04/06/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
514	25210426	10437	Võ Tấn	Thông	Nam	08/01/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
515	25210713	10438	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	25/03/1994	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
516	25210309	10439	Nguy Lê	Thương	Nữ	05/02/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
517	25210714	10440	Hoàng Thị	Trang	Nữ	05/05/1998	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
518	25210339	10441	Ngô Minh	Trí	Nam	28/11/1992	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
519	25210439	10442	Đoàn Nguyễn Nhật	Trọng	Nam	11/03/1996	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
520	25210369	10443	Trần Đức	Trọng	Nam	21/10/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
521	25210646	10444	Đinh Thế	Trung	Nam	24/07/1997	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
522	25210335	10445	Phạm Minh	Trung	Nam	15/10/1986	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
523	25210732	10446	Nguyễn Đức	Trường	Nam	20/07/1989	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
524	25210688	10447	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	19/07/1998	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
525	25210783	10448	Bùi Văn	Tư	Nam	21/06/1984	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
526	25210427	10449	Đinh Minh	Tuấn	Nam	26/10/1996	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
527	25210177	10450	Thái Khắc	Tùng	Nam	30/05/1999	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
528	25210735	10451	Trần	Tuyển	Nam	25/05/1993	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
529	25210761	10452	Nguyễn Minh	Uyên	Nữ	31/10/1996	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
530	25210771	10453	Lưu Minh	Văn	Nam	01/02/1984	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
531	25210556	10454	Trần	Văn	Nam	02/05/1991	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
532	25210352	10455	Phan Đông	Vũ	Nam	10/01/1991	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
533	25210822	10456	Vũ Hoàng Minh	Vũ	Nam	27/11/1993	02.YT	14	CK1 - Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
534	25210266	10158	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	02/10/1992	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
535	25210277	10159	Nguyễn Hoàng	Cường	Nam	02/11/1990	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
536	25210671	10160	Lê Ngọc Hải	Dương	Nam	24/03/1997	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
537	25210721	10161	Đoàn	Giới	Nam	26/06/1993	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
538	25210219	10162	Lý	Hải	Nam	05/05/1997	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
539	25210279	10163	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	22/01/1992	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
540	25210600	10164	Nguyễn Thái	Học	Nam	15/02/1992	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
541	25210798	10165	Hà Việt	Hùng	Nam	24/05/1989	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
542	25210701	10166	Nguyễn Lê	Huyền	Nam	06/11/1995	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
543	25210161	10167	Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	18/03/1998	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
544	25210709	10168	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	01/05/1993	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
545	25210724	10169	Njriêng Njàn	Thu	Nữ	22/09/1990	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
546	25210303	10170	Njriêng Njàn	Thu	Nữ	22/09/1990	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
547	25210276	10171	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	14/04/1993	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
548	25210536	10172	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	23/09/1991	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
549	25210437	10173	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	15/12/1995	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
550	25210762	10174	Nguyễn Bá	Tước	Nam	21/12/1991	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
551	25210058	10175	Đặng Phước	Vui	Nam	06/05/1981	01.YT	15	CK1 - Hồi sức cấp cứu	
552	25210092	10236	Trần Quốc	Bảo	Nam	20/08/1998	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
553	25210252	10237	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	07/09/1997	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
554	25210410	10238	Trần Thùy	Dương	Nữ	08/07/1996	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
555	25210711	10239	Bùi Thị Cẩm	Giang	Nữ	16/07/1997	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
556	25210308	10240	Lê Gia	Hiển	Nam	19/11/1989	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
557	25210635	10241	Hồ Nguyễn Huy	Hùng	Nam	03/12/1991	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
558	25210333	10242	Lâm Thị Tú	Linh	Nữ	21/09/1995	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
559	25210657	10243	Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	12/11/1991	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
560	25210370	10244	Đặng Hà Như	Ngọc	Nữ	12/06/1995	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
561	25210772	10245	Lê Thị Bảo	Nhi	Nữ	12/06/1995	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
562	25210633	10246	Lâm Thị Cẩm	Nhung	Nữ	09/10/1991	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
563	25210719	10247	Nguyễn Huỳnh	Ni	Nữ	19/07/1995	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
564	25210411	10248	Lư Quý	Trình	Nữ	14/01/1994	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
565	25210533	10249	Huỳnh Thị Mỹ	Tú	Nữ	22/06/1996	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
566	25210559	10250	Lê Trần Minh	Tú	Nữ	01/12/1994	01.YT	15	CK1 - Nhi khoa	
567	25220023	23008	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	12/03/1993	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	X
568	25220090	23009	Nguyễn Trần	Duy	Nam	19/06/1992	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	
569	25220034	23010	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	08/02/1994	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	X
570	25220064	23011	Đỗ Văn	Ngoạn	Nam	28/02/1984	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	
571	25220065	23012	Trần Hữu	Nhật	Nam	24/05/1996	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	X
572	25220108	23013	Nguyễn Văn	Việt	Nam	16/08/1987	05.YT	16	CK2 - Chấn thương chỉnh hình	
573	25220114	23014	Lê Hoàng	Dung	Nữ	18/06/1989	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	X
574	25220036	23015	Đỗ Chi	Hiên	Nam	10/02/1988	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	
575	25220112	23016	Phạm Thị Hồng	Liên	Nữ	30/03/1973	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	
576	25220053	23017	Lưu Kim	Ngọc	Nữ	20/11/1988	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	
577	25220030	23018	Huỳnh Duy	Ngữ	Nam	28/11/1993	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	
578	25220022	23019	Võ Hoàng	Vinh	Nam	29/04/1997	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	X
579	25220057	23020	Phan Khắc Xuân	Vy	Nữ	01/02/1987	05.YT	16	CK2 - Dược lý và Dược lâm sàng	
580	25220087	23021	Lê Văn	Anh	Nữ	02/09/1991	05.YT	16	CK2 - Lao và bệnh phổi	
581	25220088	23022	Đặng Thanh	Thuận	Nam	22/10/1984	05.YT	16	CK2 - Lao và bệnh phổi	
582	25220081	23023	Châu Quốc	Đạt	Nam	28/08/1984	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	
583	25220055	23024	Lê Trí	Định	Nam	20/09/1990	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	
584	25220080	23025	Trần Thái	Dương	Nam	02/05/1997	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	X
585	25220049	23026	Đỗ Phước	Nguyễn	Nam	20/01/1977	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
586	25220068	23027	Huỳnh Trung	Nhật	Nam	28/12/1973	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	
587	25220101	23028	Phạm Hoàng	Thành	Nam	31/07/1989	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	X
588	25220054	23029	Danh Phong	Vũ	Nam	01/01/1985	05.YT	16	CK2 - Ngoại khoa	
589	25220048	23030	Trần Quốc	Phong	Nam	21/08/1992	05.YT	16	CK2 - Ngoại tiết niệu	
590	25220039	23031	Danh	Tâm	Nam	23/02/1982	05.YT	16	CK2 - Ngoại tiết niệu	
591	25220002	23032	Trương Thanh	Nguyệt	Nữ	13/08/1981	05.YT	16	CK2 - Nhi khoa	
592	25220096	23033	Trần Thanh	Thuần	Nam	15/05/1988	05.YT	16	CK2 - Nhi khoa	
593	25220107	23046	Huỳnh Thị Tuyết	Nga	Nam	28/02/1981	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	X
594	25220106	23047	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	28/05/1980	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	
595	25220113	23048	Trần Ngô Phúc	Quân	Nam	11/09/1982	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	
596	25220116	23082	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	11/07/1993	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	X
597	25220115	23083	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	28/11/1987	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	X
598	25220044	23084	Hà Hữu	Meo	Nam	14/09/1977	05.YT	16	CK2 - Quản lý y tế	
599	25220075	23070	Nguyễn Hữu	Hiệp	Nam	16/09/1980	05.YT	16	CK2 - Tai Mũi Họng	
600	25220082	23071	Quách Khánh	Thành	Nam	12/04/1989	05.YT	16	CK2 - Tai Mũi Họng	X
601	25220033	23072	Trịnh Tuấn	Khanh	Nam	15/01/1988	05.YT	16	CK2 - Thần kinh	
602	25220052	23073	Lâm Hữu	Nghĩa	Nam	19/12/1994	05.YT	16	CK2 - Thần kinh	X
603	25220029	23074	Lương Thế	Vĩnh	Nam	21/02/1992	05.YT	16	CK2 - Thần kinh	X
604	25220105	23075	Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	27/09/1987	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
605	25220013	23076	Tôn Thị Phi	Diệp	Nữ	24/08/1992	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
606	25220062	23077	Nguyễn Thái	Hiệp	Nam	09/07/1983	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
607	25220060	23078	Đàm Huy	Hoàng	Nam	01/01/1990	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
608	25220111	23079	Đỗ Duy	Khoa	Nam	28/07/1987	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
609	25220104	23080	Phạm Ngọc	Tinh	Nam	24/05/1985	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
610	25220046	23081	Vũ Anh	Tuấn	Nam	25/06/1986	05.YT	16	CK2 - Tổ chức Quản lý Dược	
611	25240040	84002	Dương Lan	Anh	Nữ	02/07/2000	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
612	25240030	84003	Lê Thị Anh	Khoa	Nữ	14/12/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
613	25240048	84004	Mai Thị Thúy	Linh	Nữ	16/01/1997	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
614	25240019	84005	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	10/09/1996	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
615	25240081	84006	Nguyễn Thị Hồng	Nghi	Nữ	12/12/1996	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
616	25240003	84007	Trương Ngọc	Phát	Nam	25/12/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
617	25240024	84008	Lê Thành	Phuong	Nam	02/07/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
618	25240031	84009	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	01/10/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
619	25240010	84010	Trần Trung	Tín	Nam	01/08/1994	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
620	25240097	84011	Đặng Thị Kim	Tuyền	Nữ	15/08/1998	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng	
621	25240076	84012	Bùi Nguyễn Thục	Anh	Nữ	28/11/2001	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
622	25240129	84013	Lư Anh	Đào	Nữ	04/07/1993	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
623	25240160	84014	Nguyễn Đàm Trần Đình	Hào	Nam	16/05/1999	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
624	25240100	84015	Huỳnh Hữu	Lộc	Nam	03/12/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
625	25240151	84016	Trần Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	02/03/1984	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
626	25240139	84017	Huỳnh Bội	Ngọc	Nữ	02/09/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
627	25240012	84018	Trần Anh	Như	Nữ	19/10/2000	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
628	25240098	84019	Chiêm Vĩnh	Phú	Nam	27/06/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
629	25240158	84020	Nguyễn Lê Khánh	Thy	Nữ	17/04/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
630	25240005	84021	Trịnh Ngọc	Tuyền	Nữ	20/11/2001	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- X: **Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
631	25240067	84022	Lưu Đỗ Thanh	Xuân	Nữ	19/09/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
632	25240000	84023	Lưu Đỗ Thanh	Xuân	Nữ	19/09/2002	HT.YT	17	CH - Dược lý và Dược lâm sàng (UD)	
633	25240108	84100	Phạm Nguyễn Phú	Khánh	Nam	03/08/1997	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
634	25240122	84101	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	17/12/1997	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
635	25240032	84102	Nguyễn Trung	Thuần	Nam	04/10/1995	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
636	25240039	84103	Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	26/09/1997	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
637	25240063	84104	Nguyễn Lê Bảo	Trân	Nữ	07/10/2001	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
638	25240114	84105	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	19/11/1995	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng	
639	25240105	84106	Trần Thị Ngọc	Chăm	Nữ	02/09/2000	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng (UD)	
640	25240092	84107	Cao Ánh	Nga	Nữ	03/06/2000	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng (UD)	
641	25240042	84108	Bùi Chí	Thịnh	Nam	22/09/2001	HT.YT	17	CH - Y học dự phòng (UD)	
642	25240103	84109	Bùi Quốc	An	Nam	19/12/2003	HT.YT	17	CH - Y tế công cộng	
643	25240106	84110	Huỳnh Diệp Nhã	Quỳnh	Nữ	12/06/2003	HT.YT	17	CH - Y tế công cộng	
644	25240075	84111	Phan Đỗ Thuý	Vy	Nữ	20/03/2003	HT.YT	17	CH - Y tế công cộng	
645	25240014	84112	Nguyễn Thoại Mỹ	Dung	Nữ	31/05/2003	HT.YT	17	CH - Y tế công cộng (UD)	
646	25240118	84113	Lê Đình Kỳ	Duyên	Nữ	13/01/2003	HT.YT	17	CH - Y tế công cộng (UD)	
647	25240041	84026	Võ Điền Kỳ	Anh	Nam	16/04/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
648	25240159	84027	Nguyễn Nhật	Bình	Nữ	30/08/2002	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
649	25240050	84028	Nguyễn Ngọc Ngân	Châu	Nữ	02/04/2002	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
650	25240157	84029	Trang Nguyễn Thanh	Đông	Nam	27/08/2002	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
651	25240057	84030	Nguyễn Khánh	Dur	Nam	18/08/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
652	25240059	84031	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	25/04/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
653	25240037	84032	Nguyễn Nhất	Duy	Nam	15/07/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
654	25240074	84033	Trần Ngọc	Lel	Nữ	06/02/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
655	25240096	84034	Tăng Thiên	Lý	Nữ	02/09/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
656	25240025	84035	Trần Lê Hồng	Ngọc	Nữ	06/01/2000	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
657	25240095	84036	Huỳnh Thái	Toàn	Nam	22/06/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
658	25240135	84037	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	24/07/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
659	25240085	84038	Dương Hoài	An	Nam	11/12/1987	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
660	25240068	84039	Danh Thu Mỹ	Anh	Nữ	06/09/1981	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
661	25240115	84040	Nguyễn Lê Hiền	Hậu	Nữ	01/04/2003	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
662	25240026	84041	Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	09/01/2002	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
663	25240112	84042	Dương Chí	Nghiệp	Nam	19/02/1996	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
664	25240127	84043	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	18/01/1990	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
665	25240128	84044	Thái Thị Mộng	Trang	Nữ	17/11/1995	HT.YT	18	CH - Kỹ thuật xét nghiệm y học (UD)	
666	25240117	84076	Hồ Văn	Anh	Nữ	04/02/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
667	25240017	84077	Nguyễn Lê Đức	Anh	Nam	01/01/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
668	25240140	84078	Phạm Đức	Huy	Nam	23/11/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
669	25240149	84079	Lâm Anh	Khoa	Nam	05/08/1999	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
670	25240053	84080	Liên Chung	Kiệt	Nam	14/01/2000	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
671	25240038	84081	Mai Trần Phương	Nam	Nam	29/07/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
672	25240125	84082	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	03/03/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
673	25240102	84083	Nguyễn Hữu Khôi	Nguyên	Nam	05/01/1996	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
674	25240155	84084	Nguyễn Thị Hoa	Nguyệt	Nữ	26/05/2000	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
675	25240033	84085	Đỗ Trần Long	Nhân	Nam	12/11/2000	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
676	25240124	84086	Nguyễn Thị Thục	Nhi	Nữ	17/07/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
677	25240049	84087	Trịnh Trần	Phú	Nam	06/02/1991	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
678	25240045	84088	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	13/12/1986	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
679	25240144	84089	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	Nữ	11/06/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt	
680	25240058	84090	Nguyễn Hoàng Ngọc	Duy	Nam	02/10/2001	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
681	25240071	84091	Tạ Minh	Hiếu	Nam	22/04/2000	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
682	25240008	84092	Lê Quang	Nhân	Nam	28/04/1999	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
683	25240132	84093	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	31/01/1998	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
684	25240009	84094	Lê Cao	Tằng	Nam	25/07/1998	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
685	25240088	84095	Đặng Thị Thuý	Trang	Nữ	13/01/1999	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
686	25240110	84096	Lê Đức	Trí	Nam	08/08/1981	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
687	25240093	84097	Huỳnh Lê Hải	Trình	Nam	02/12/1982	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
688	25240130	84098	Trần Anh	Trung	Nam	01/10/1988	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
689	25240150	84099	Trần Thanh	Tùng	Nam	29/04/2000	HT.YT	18	CH - Răng Hàm Mặt (UD)	
690	25240104	84001	Hồ Lê Như	Quỳnh	Nữ	14/08/1998	HT.YT	19	CH - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (UD)	
691	25240152	84024	Lê Hữu	Đoàn	Nam	20/04/1990	HT.YT	19	CH - Khoa học y sinh (VSKST)	
692	25240021	84025	Đoàn Phạm Trung	Hiếu	Nam	07/05/1999	HT.YT	19	CH - Khoa học y sinh (YHHT) UD	
693	25240056	84045	Phạm Tăng Gia	Bảo	Nam	17/01/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
694	25240002	84046	Nguyễn Lê Nhật	Hà	Nữ	12/02/1996	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
695	25240165	84047	Phạm Đại	Lộc	Nam	19/06/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
696	25240055	84048	Liên Ái	Mỹ	Nam	06/02/1998	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
697	25240164	84049	Trần Thị Thanh	Nhân	Nữ	01/01/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
698	25240084	84050	Đình Công	Nhớ	Nam	06/06/1992	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
699	25240036	84051	Lâm Tâm	Như	Nữ	13/01/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
700	25240079	84052	Bùi Thị Tuyết	Phương	Nữ	29/06/1995	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
701	25240072	84053	Nguyễn Minh	Quân	Nam	03/04/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
702	25240047	84054	Trần Kim	Quyên	Nữ	11/11/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
703	25240054	84055	Dương Quốc	Thái	Nam	15/09/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
704	25240061	84056	Nguyễn Trọng	Tấn	Nam	01/01/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
705	25240131	84057	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	05/03/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
706	25240086	84058	Nguyễn Văn	Trình	Nam	23/04/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
707	25240004	84059	Tạ Minh	Tùng	Nam	02/10/1998	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
708	25240120	84060	Lê Phương Hoàng	Yến	Nữ	20/03/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa	
709	25240035	84061	Nguyễn Duy	Anh	Nam	02/02/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
710	25240109	84062	Lưu Thị Thuý	Dương	Nữ	19/09/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
711	25240020	84063	Đồng Như	Hằng	Nữ	15/02/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
712	25240146	84064	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nam	15/09/1995	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
713	25240133	84065	Trương Hoàng	Kha	Nam	13/06/1990	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
714	25240011	84066	Dương Nguyễn Yến	Linh	Nữ	04/09/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
715	25240143	84067	Võ Đức	Long	Nam	05/04/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
716	25240142	84068	Trần Thị Trúc	Mai	Nữ	12/04/1998	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
717	25240052	84069	Phạm Trần Minh	Mẫn	Nam	01/01/2001	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
718	25240153	84070	Đặng Mỹ	Nhân	Nữ	14/10/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
719	25240051	84071	Vũ Trường	Phát	Nam	18/01/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
720	25240073	84072	Hứa Hoàng Diễm	Quyên	Nữ	09/05/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
721	25240065	84073	Trương Thị Kim	Quyên	Nữ	11/04/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
722	25240094	84074	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	18/04/2000	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
723	25240046	84075	Nguyễn Ngọc	Tùng	Nam	05/10/1995	HT.YT	19	CH - Nhi khoa (UD)	
724	25210457	10251	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	02/09/1998	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
725	25210674	10252	Nguyễn Hoàng	Cúc	Nữ	23/04/1998	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
726	25210181	10253	Lê Văn	Cường	Nam	20/09/1974	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
727	25210544	10254	Lê Quốc	Đạt	Nam	27/10/1981	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
728	25210286	10255	Huỳnh Tấn Hoàng	Điệp	Nữ	26/10/1994	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
729	25210736	10256	Tô Thị Thanh	Diệu	Nữ	27/02/1997	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
730	25210291	10257	Mai Đoàn Gia	Định	Nam	06/12/1997	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
731	25210119	10258	Nguyễn Khang	Đoàn	Nam	21/01/1980	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
732	25210135	10259	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	10/04/1968	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
733	25210379	10260	Võ Văn	Đức	Nam	09/10/1995	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
734	25210524	10261	Nguyễn Thành	Dũng	Nam	16/07/1992	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
735	25210619	10262	Trần Minh	Dũng	Nam	25/02/1996	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
736	25210200	10263	Chu Đức	Dụng	Nam	18/05/1983	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
737	25210705	10264	Nguyễn Trần Anh	Duy	Nam	28/12/1994	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
738	25210140	10265	Nguyễn Văn	Gấm	Nam	16/09/1983	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
739	25210100	10266	Nguyễn Hữu Nam	Giao	Nam	19/10/1996	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
740	25210757	10267	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	20/04/1986	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
741	25210470	10268	Từ Thị Ngân	Hà	Nữ	19/01/1990	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
742	25210682	10269	Huỳnh Thị Kim	Hằng	Nữ	23/05/1988	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
743	25210435	10270	Nguyễn Đỗ Thu	Hằng	Nữ	26/08/1983	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
744	25210018	10271	Phạm Lệ	Hằng	Nữ	02/08/1980	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
745	25210300	10272	Thị Kim	Hạnh	Nữ	30/11/1998	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
746	25210136	10273	Trần Thị Ngọc	Hào	Nữ	01/01/1987	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
747	25210293	10274	Phan Văn	Hiển	Nam	21/02/1994	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
748	25210010	10275	Lê Hữu	Hiền	Nam	29/05/1994	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
749	25210660	10276	Phan Công	Hiếu	Nam	05/12/1995	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
750	25210708	10277	Trần Trung	Hiếu	Nam	10/11/1986	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
751	25210116	10278	Danh	Hộ	Nam	01/04/1988	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
752	25210180	10279	Bùi Xuân	Hoàng	Nam	11/09/1992	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
753	25210323	10280	Nguyễn Duy	Hoạt	Nam	26/04/1985	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
754	25210230	10281	Đào Thị Thúy	Hồng	Nữ	10/11/1984	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
755	25210599	10282	Đinh Nguyễn Phương	Khanh	Nữ	05/05/1993	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
756	25210510	10283	Lê Ngọc	Khoa	Nữ	24/04/1996	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
757	25210596	10284	Lê Thanh	Khoa	Nam	28/01/1990	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
758	25210666	10285	Lê Trung	Khuyên	Nam	05/07/1986	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
759	25210598	10286	Phạm Thị	Kiểm	Nữ	30/04/1988	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
760	25210448	10287	Phạm Xuân	Kiếp	Nam	01/01/1981	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
761	25210672	10288	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	12/03/1994	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
762	25210201	10289	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	24/02/1989	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
763	25210804	10290	Tiết Văn	Linh	Nam	18/02/1987	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
764	25210322	10291	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	19/10/1996	01.RD	20	CK1 - Nội khoa	
765	25210787	10292	Phạm Thị Hồng	Loan	Nữ	12/03/1976	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- X: Miễn NN

- Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi

- Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi

- Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
766	25210017	10293	Trần Hữu	Lộc	Nam	03/02/1997	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
767	25210562	10294	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	07/08/1991	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
768	25210451	10295	Nguyễn Đình	Luân	Nam	09/11/1997	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
769	25210324	10296	Cao Xuân	Lương	Nam	27/07/1990	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
770	25210465	10297	Vũ Xuân	Lưu	Nam	20/11/1988	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
771	25210813	10298	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/07/1989	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
772	25210589	10299	Danh	Minh	Nam	14/08/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
773	25210028	10300	Phạm Hoàng Thiên	Minh	Nam	29/06/1992	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
774	25210093	10301	Tạ Nhật	Minh	Nam	09/01/1996	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
775	25210106	10302	Vy Thị Nguyệt	Minh	Nữ	19/07/1984	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
776	25210155	10303	Đình H	Mon	Nam	01/09/1988	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
777	25210488	10304	Bùi Sơn	Nam	Nam	16/11/1986	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
778	25210684	10305	Lê Quang	Nam	Nam	17/12/1980	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
779	25210720	10306	Nguyễn Lê Khoa	Nam	Nam	01/01/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
780	25210483	10307	Thạch Xám	Nang	Nam	10/10/1985	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
781	25210418	10308	Hem Oanh	Nét	Nam	16/07/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
782	25210780	10309	Trịnh Nhật Hoàng	Ngân	Nữ	05/06/1997	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
783	25210654	10310	Nguyễn Thị Y	Nguyên	Nữ	03/11/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
784	25210173	10311	Trần Nguyễn Vĩnh	Nguyên	Nam	18/12/1983	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
785	25210307	10312	Nguyễn Việt Thiên	Nhi	Nữ	17/03/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
786	25210704	10313	Yên Hoàng Phương	Nhi	Nữ	02/10/1995	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
787	25210247	10314	Nguyễn Huỳnh	Như	Nam	01/01/1996	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
788	25210759	10315	Huỳnh Ngọc	Nữ	Nữ	05/12/1993	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
789	25210115	10316	Ngô Minh	Phát	Nam	27/10/1991	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
790	25210480	10317	Trần Vũ Hoài	Phong	Nam	08/07/1989	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
791	25210165	10318	Ngô Trương	Phúc	Nam	24/04/1994	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
792	25210231	10319	Nguyễn Duy	Phương	Nam	30/08/1996	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
793	25210651	10320	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	04/05/1989	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
794	25210799	10321	Trịnh Văn	Quế	Nam	18/02/1983	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
795	25210166	10322	Dương Thị Ngọc	Quý	Nữ	07/08/1988	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
796	25210222	10323	Lê Thị	Quyên	Nữ	02/05/1988	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
797	25210793	10324	Nguyễn Văn	Quyên	Nam	25/05/1977	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
798	25210065	10325	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	04/01/1997	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
799	25210114	10326	Thạch Thị Na	Ri	Nữ	07/01/1989	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
800	25210770	10327	Võ Ngọc	Sang	Nam	07/11/1980	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
801	25210063	10328	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	12/04/1993	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
802	25210805	10329	Lâm Minh	Tâm	Nam	10/09/1981	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
803	25210441	10330	Lê Văn	Tấn	Nam	01/01/1989	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
804	25210126	10331	Nguyễn Văn	Te	Nam	20/11/1979	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
805	25210567	10332	Mạc Yến	Thanh	Nữ	07/08/1982	02.RD	21	CK1 - Nội khoa	
806	25210008	10333	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	27/11/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
807	25210429	10334	Huỳnh Văn	Thành	Nam	16/10/1967	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
808	25210565	10335	Trần Văn	Thành	Nam	14/02/1973	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
809	25210052	10336	Cao Thị Thanh	Thảo	Nữ	10/06/1982	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
810	25210288	10337	Trần Như	Thảo	Nữ	25/04/1988	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
811	25210545	10338	Trần Thanh	Thảo	Nữ	25/11/1984	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
812	25210143	10339	Bùi Đức	Thịnh	Nam	06/03/1997	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
813	25210088	10340	Trần Quang	Thịnh	Nam	24/11/1996	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
814	25210380	10341	Huỳnh Hữu	Thọ	Nam	11/07/1996	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
815	25210077	10342	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	17/06/1989	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
816	25210086	10343	Phan Thanh	Thông	Nam	16/01/1993	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
817	25210571	10344	Đoàn Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24/07/1996	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
818	25210138	10345	Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	09/01/1983	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
819	25210807	10346	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	18/02/1991	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
820	25210484	10347	Thắm Thị	Tiên	Nữ	09/03/1976	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
821	25210519	10348	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	10/10/1993	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
822	25210603	10349	Trần Minh	Tiếp	Nam	13/01/1985	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
823	25210744	10350	Nguyễn Trung	Tín	Nam	05/06/1999	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
824	25210004	10351	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	07/11/1992	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
825	25210157	10352	Quảng Ngọc Mỹ	Trần	Nam	24/12/1990	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
826	25210320	10353	Trương Lê Bích	Trần	Nữ	23/04/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
827	25210409	10354	Đặng Thu	Trang	Nữ	30/03/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
828	25210049	10355	Văn Nguyễn Diễm	Trinh	Nữ	01/12/1991	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
829	25210024	10356	Văn Tú	Trinh	Nữ	30/04/1994	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
830	25210204	10357	Nguyễn Thanh Phương	Trúc	Nữ	11/02/1998	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
831	25210413	10358	Lê Minh	Trung	Nam	29/03/1978	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
832	25210034	10359	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	25/07/1986	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
833	25210295	10360	Nguyễn Văn	Tư	Nam	20/06/1984	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
834	25210649	10361	Bạch Ngọc	Tứ	Nam	14/04/1988	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
835	25210073	10362	Dương Văn	Tuấn	Nam	21/03/1983	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
836	25210314	10363	Phạm Thanh	Tùng	Nam	12/12/1981	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
837	25210818	10364	Hoàng Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	28/02/1994	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
838	25210543	10365	Hoàng Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	28/02/1994	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
839	25210403	10366	Lê Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	27/11/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
840	25210292	10367	Nguyễn Văn	Vàng	Nam	06/07/1992	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
841	25210043	10368	Đinh Hữu	Vinh	Nam	07/02/1997	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
842	25210423	10369	Lê Võ Gia	Vinh	Nam	22/12/1992	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
843	25210590	10370	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	05/08/1989	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
844	25210773	10371	Trương Khắc	Vũ	Nam	01/02/1993	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
845	25210455	10372	Trần Đỗ Quốc	Vương	Nam	13/08/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
846	25210574	10373	Nguyễn Ken	Win	Nam	19/01/1995	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
847	25210485	10374	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/02/1983	03.RD	22	CK1 - Nội khoa	
848	25210431	10201	Hứa Đình	Anh	Nam	05/08/1996	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
849	25210283	10202	Phạm Tuấn	Anh	Nam	02/05/1997	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
850	25210147	10203	Võ Huy	Cường	Nam	08/10/1996	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
851	25210351	10204	Nguyễn Thanh	Khiết	Nam	01/01/1981	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
852	25210060	10205	Siu	Kiên	Nam	10/12/1997	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
853	25210728	10206	Nguyễn Nhựt	Linh	Nam	21/08/1993	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
854	25210338	10207	Huỳnh Ngọc	Long	Nam	03/03/1986	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
855	25210047	10208	Võ Phan	Ngân	Nam	03/12/1984	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
856	25210745	10209	Nguyễn Phúc Gia	Nguyễn	Nam	05/04/1994	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
857	25210620	10210	Đào Hải	Nguyễn	Nam	09/12/1992	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
858	25210662	10211	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	19/04/1990	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
859	25210687	10212	Trần Hoàng	Quang	Nam	17/12/1987	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
860	25210212	10213	Hàn Dương	Quý	Nam	22/11/1992	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
861	25210042	10214	Danh Sê	Rây	Nam	28/03/1991	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
862	25210183	10215	Lê Công	Tài	Nam	11/05/1994	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
863	25210614	10216	Trần Văn	Tấn	Nam	07/02/1992	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
864	25210400	10217	Thân Văn	Thời	Nam	07/01/1993	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
865	25210618	10218	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	10/08/1994	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
866	25210408	10219	Nguyễn Thanh	Trí	Nam	24/02/1992	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
867	25210068	10220	Nguyễn Minh	Tuyển	Nam	10/08/1986	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
868	25210216	10221	Thượng Tân	Uyên	Nữ	11/12/1995	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
869	25210430	10222	Dương Thị Nữ	Y	Nữ	15/08/1994	04.RD	23	CK1 - Ngoại khoa	
870	25210108	10537	Trần Huỳnh Thiên	An	Nữ	06/04/1994	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
871	25210539	10538	Lê Ngọc	Châu	Nữ	18/01/1990	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
872	25210206	10539	Nguyễn Công	Chính	Nam	18/07/1987	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
873	25210663	10540	Trần Văn	Chót	Nam	28/03/1984	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
874	25210579	10541	Đặng Hải	Đặng	Nam	29/01/1990	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
875	25210007	10542	Trương Hải	Đặng	Nam	01/08/1997	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
876	25210648	10543	Huỳnh Thanh	Duy	Nam	29/09/1997	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
877	25210518	10544	Nguyễn Đình	Huy	Nam	03/05/1996	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
878	25210667	10545	Lý Bảo	Khang	Nam	09/08/1990	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
879	25210577	10546	Trương Đức	Khánh	Nam	04/11/1989	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
880	25210099	10547	Bùi Trung	Kiên	Nam	01/07/1993	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
881	25210385	10548	Lý Thanh	Lệ	Nam	26/08/1994	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
882	25210656	10549	Lương Công	Son	Nam	12/04/1993	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
883	25210386	10550	Nguyễn Trí	Tâm	Nam	23/12/1992	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
884	25210211	10551	Son Thị Huế	Thanh	Nữ	02/09/1992	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
885	25210311	10552	Phan Tâm	Thi	Nam	20/08/1991	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
886	25210112	10553	Trịnh An	Thịnh	Nam	28/04/1994	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
887	25210234	10554	Võ Kiều	Thời	Nữ	07/06/1986	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
888	25210209	10555	Phạm Thị Thuý	Tiên	Nữ	03/01/1993	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
889	25210245	10556	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24/01/1988	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
890	25210637	10557	Ngô Trang	Từ	Nam	20/09/1997	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
891	25210134	10558	Nguyễn Thành	Vốn	Nam	15/06/1993	04.RD	23	CK1 - Tai Mũi Họng	
892	25210217	10030	Cao Các Hạnh	Anh	Nữ	02/02/1978	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
893	25210526	10031	Nguyễn Quyết	Chiến	Nam	24/02/1990	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
894	25210499	10032	Nguyễn Cẩm	Cuội	Nữ	16/07/1986	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
895	25210301	10033	Dương Thị Kim	Cương	Nữ	27/07/1987	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
896	25210273	10034	Đàng Thị Mỹ	Dung	Nữ	29/05/1971	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
897	25210078	10035	Lê Thị Văn	Hà	Nữ	15/12/1999	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
898	25210595	10036	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	29/08/1990	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
899	25210698	10037	Hình Lệ	Hằng	Nữ	21/10/1977	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
900	25210056	10038	La Thị Thúy	Hằng	Nữ	24/12/1980	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- X: **Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
901	25210375	10039	Lương Thị	Hằng	Nữ	02/08/2000	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
902	25210325	10040	Võ Ngọc	Hạnh	Nữ	07/07/1990	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
903	25210696	10041	Mai Thị	Hiền	Nữ	17/08/1979	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
904	25210576	10042	Đặng Đông	Hồ	Nam	14/03/1994	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
905	25210238	10043	Nguyễn Hữu	Hòa	Nam	01/05/1977	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
906	25210725	10044	Nguyễn Thị Định	Hòa	Nữ	10/11/1984	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
907	25210580	10045	Nguyễn Thanh	Hoàng	Nam	25/11/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
908	25210445	10046	Phan Thị Tuyết	Hồng	Nữ	13/01/1983	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
909	25210262	10047	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	01/01/1983	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
910	25210193	10048	Châu Thị Kim	Hương	Nữ	17/04/1996	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
911	25210239	10049	Trịnh Thị Kim	Huyền	Nữ	10/10/1986	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
912	25210700	10050	Trần Thị	Huyền	Nữ	08/10/1982	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
913	25210275	10051	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	Nữ	17/11/1990	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
914	25210198	10052	Lê Văn	Khái	Nam	01/01/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
915	25210098	10053	Nguyễn Văn	Khan	Nam	07/12/1986	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
916	25210587	10054	Lê Văn	Khang	Nam	27/02/1994	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
917	25210551	10055	Trần Thị	Khen	Nữ	24/12/1992	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
918	25210777	10056	Bùi Thị	Là	Nữ	13/08/1982	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
919	25210268	10057	Lê Thúy	Lài	Nữ	19/06/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
920	25210695	10058	Trần Cẩm	Lài	Nữ	09/04/1990	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
921	25210175	10059	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	Nữ	15/07/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
922	25210372	10060	Trần Hồng	Liên	Nữ	21/09/1979	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
923	25210096	10061	Ngô Thị Kiều	Loan	Nữ	09/10/1986	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
924	25210690	10062	Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	15/07/1980	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
925	25210243	10063	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	24/04/1987	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
926	25210236	10064	Lữ Phú	Lợi	Nam	21/04/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
927	25210040	10065	Nguyễn Thanh	Long	Nữ	24/03/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
928	25210251	10066	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/09/1988	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
929	25210229	10067	Võ Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/11/1984	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
930	25210318	10068	Mạc Kim	Mến	Nữ	09/05/1985	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
931	25210233	10069	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	16/11/1982	05.RD	24	CK1 - Điều Dưỡng	
932	25210269	10070	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nam	10/01/1978	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
933	25210202	10071	Đỗ Văn	Nguyễn	Nam	09/04/1982	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
934	25210067	10072	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	Nữ	12/08/1996	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
935	25210167	10073	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	03/02/1997	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
936	25210130	10074	Nguyễn Thị	Nương	Nữ	16/12/1974	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
937	25210057	10075	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	07/01/1995	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
938	25210226	10076	Nguyễn Thị	Phận	Nữ	10/04/1982	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
939	25210117	10077	Đỗ Hoàng	Quân	Nam	27/06/1981	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
940	25210178	10078	Mạc Văn	Quảng	Nam	05/11/1979	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
941	25210085	10079	Nguyễn Hồng	Quỳnh	Nữ	04/01/1987	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
942	25210194	10080	Phạm Thị Xuân	Son	Nam	22/12/1989	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
943	25210076	10081	Lê Thị	Tám	Nữ	02/06/1986	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
944	25210121	10082	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nam	20/10/1976	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
945	25210241	10083	Phạm Văn	Thảo	Nam	20/04/1983	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
946	25210361	10084	Nguyễn Thị Diệu	Thiện	Nữ	20/10/1987	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
947	25210016	10085	Châu Phước	Thọ	Nam	19/06/1985	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
948	25210244	10086	Lê Văn	Thọ	Nam	25/08/1987	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
949	25210038	10087	Nguyễn Thị Kim	Thoi	Nữ	17/02/1983	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
950	25210376	10088	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	02/04/1991	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
951	25210186	10089	Nguyễn Xuân	Thuy	Nam	20/07/1990	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
952	25210240	10090	Mai Thị Mộng	Thúy	Nữ	04/07/1981	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
953	25210549	10091	Đỗ Thị Ngọc	Thùy	Nữ	07/08/1993	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
954	25210215	10092	Trương Thị	Thủy	Nữ	17/05/1988	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
955	25210421	10093	Trần Thị Ngọc	Tiền	Nữ	30/05/1983	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
956	25210584	10094	Phạm Thị Hồng	Tím	Nữ	19/02/1987	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
957	25210164	10095	Huỳnh Phú	Tinh	Nam	16/12/1981	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
958	25210647	10096	Trần Thị Phương	Trang	Nữ	20/08/1985	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
959	25210272	10097	Trần Thị Phương	Trang	Nữ	14/09/1982	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
960	25210196	10098	Trần Thị	Trắng	Nữ	10/12/1985	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
961	25210271	10099	Nguyễn Minh	Trí	Nam	20/05/1993	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
962	25210190	10100	Phan Duy	Trinh	Nam	20/03/1987	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
963	25210733	10101	Huỳnh Thanh	Tuấn	Nam	13/03/1988	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
964	25210531	10102	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	20/07/1980	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
965	25210062	10103	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	28/06/1984	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
966	25210224	10104	Võ Thị Hồng Kim	Tuyển	Nữ	30/09/1983	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
967	25210156	10105	Ngô Xuân Ngọc	Tuyển	Nữ	13/08/1988	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
968	25210023	10106	Nguyễn Đình	Vũ	Nam	10/06/1976	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
969	25210541	10107	Tô Hoàn	Vũ	Nam	18/12/1988	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
970	25210344	10108	Lê Thị	Vượng	Nữ	20/01/1989	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
971	25210336	10109	Nguyễn Hồng	Yến	Nữ	23/03/1988	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
972	25210530	10110	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	30/08/1978	06.RD	25	CK1 - Điều Dưỡng	
973	25210355	10181	Huỳnh	Anh	Nữ	02/07/1992	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
974	25210523	10182	Võ Anh	Chi	Nam	03/01/1986	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
975	25210160	10183	Nguyễn Trúc	Duy	Nam	23/01/1988	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
976	25210388	10184	Lê Thị	Hà	Nữ	24/09/1989	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
977	25210014	10185	Nguyễn Thanh	Kỳ	Nam	02/01/1992	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
978	25210237	10186	Võ Thị	Loan	Nữ	25/10/1984	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
979	25210142	10187	Vũ Đại	Lực	Nam	06/01/1979	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
980	25210586	10188	Nguyễn Thị Hải	Lý	Nữ	09/04/1991	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
981	25210613	10189	Đỗ Thị	Nga	Nữ	23/04/1985	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
982	25210168	10190	Ngô Văn	Phi	Nam	05/03/1991	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
983	25210176	10191	Trương Duy	Phú	Nam	19/02/1991	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
984	25210045	10192	Vũ Thái	Trúc	Nữ	01/01/1993	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
985	25210036	10193	Phạm Thị Thanh	Tuyển	Nữ	05/10/1987	07.RD	26	CK1 - Kỹ thuật xét nghiệm y học	
986	25210187	10194	Đào Thị	Còn	Nữ	18/05/1982	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
987	25210758	10195	Trần Quốc	Lâm	Nam	02/10/1989	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
988	25210676	10196	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	28/10/1974	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
989	25210568	10197	Nguyễn Võ Tấn	Phát	Nam	19/06/1997	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
990	25210012	10198	Nguyễn Đạt	Thành	Nam	04/05/1994	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
991	25210496	10199	Nguyễn Văn	Thương	Nam	21/05/1997	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
992	25210800	10200	Hoàng Văn	Tuấn	Nam	19/05/1975	07.RD	26	CK1 - Lao và bệnh phổi	
993	25210000	10622	Lương Thoại	Anh	Nữ	27/04/1999	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
994	25210051	10623	Nguyễn Hồ Hải	Anh	Nữ	29/10/1998	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
995	25210588	10624	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	26/10/1996	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
996	25210517	10625	Son Hồng	Đào	Nữ	11/09/1994	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
997	25210525	10626	Hoàng Bá	Dinh	Nam	26/09/1995	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
998	25210625	10627	Tổng Thị Thùy	Dương	Nữ	18/10/1993	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
999	25210686	10628	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	04/10/1989	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1000	25210393	10629	Đặng Thị	Hiền	Nam	18/10/1984	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1001	25210384	10630	Nguyễn Trọng	Hiền	Nam	05/08/1994	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1002	25210450	10631	Nguyễn Quốc	Kỳ	Nam	11/12/1989	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1003	25210259	10632	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	28/02/1992	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1004	25210111	10633	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	25/10/1998	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1005	25210270	10634	Chế Thị Mộng	Nhi	Nữ	20/12/1981	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1006	25210689	10635	Hoàng Thị Hải	Oanh	Nam	26/05/1992	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1007	25210585	10636	Lê Hoàng	Phương	Nam	26/05/1994	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1008	25210508	10637	Phạm Hữu	Quyên	Nam	10/08/1991	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1009	25210125	10638	Già Tuyền	Ruối	Nữ	15/08/1984	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1010	25210774	10639	Bùi Ngọc Linh	San	Nữ	15/04/1993	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1011	25210503	10640	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	13/09/1999	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1012	25210399	10641	Nguyễn Vũ Văn	Thanh	Nữ	30/09/1991	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1013	25210328	10642	Kim Minh	Thành	Nam	11/02/1998	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1014	25210558	10643	Lâm Quyết	Thống	Nam	01/03/1993	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1015	25210377	10644	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	17/10/1982	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1016	25210090	10645	Hứa Trí	Thức	Nam	02/11/1995	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1017	25210527	10646	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	18/04/1982	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1018	25210702	10647	Lê Thanh	Tồn	Nam	05/07/1986	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1019	25210253	10648	Bùi Mai Hoàng	Tú	Nữ	25/10/1988	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1020	25210407	10649	Lâm Thị Bích	Tuyền	Nữ	12/06/1991	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1021	25210521	10650	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	08/07/1995	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1022	25210310	10651	Trần Thanh	Vững	Nam	18/01/1982	07.RD	26	CK1 - Y học gia đình	
1023	25210748	10457	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	18/09/1988	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1024	25210607	10458	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	29/04/1991	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1025	25210313	10459	Diệp Tuyết	Hòa	Nữ	05/03/1984	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1026	25210747	10460	Lê Ngọc	Hoan	Nam	28/05/1997	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1027	25210659	10461	Huỳnh Lê Minh	Huy	Nam	14/11/1996	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1028	25210449	10462	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	13/03/1982	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1029	25210778	10463	Vương Dũng	Kiệt	Nam	25/04/1995	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1030	25210634	10464	Lê Thị Trần Hồng	Phấn	Nữ	26/03/2025	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1031	25210764	10465	Danh	Sách	Nam	18/11/1993	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1032	25210821	10466	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	26/10/1988	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1033	25210475	10467	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	16/02/1985	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1034	25210509	10468	Phạm Trí	Thông	Nam	27/06/1990	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1035	25210597	10469	Lê Đức	Thuận	Nam	17/10/1997	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1036	25210795	10470	Trương Thị Mỹ	Trâm	Nữ	30/04/1997	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1037	25210184	10471	Bùi Kiên	Trung	Nam	28/02/1974	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1038	25210506	10472	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	24/08/1985	08.RD	27	CK1 - Phục hồi chức năng	
1039	25210364	10559	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	23/12/1994	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1040	25210131	10560	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	08/04/1994	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1041	25210146	10561	Trần Như	Hải	Nam	30/06/1972	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1042	25210081	10562	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	Nữ	20/05/1981	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1043	25210020	10563	Mai Thị Thúy	Hồng	Nữ	06/02/1991	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1044	25210139	10564	Tôn Thị Kim	Kiều	Nữ	05/05/1983	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1045	25210013	10565	Bùi Quốc	Lil	Nam	15/06/1988	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1046	25210617	10566	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	01/01/1982	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1047	25210312	10567	Nguyễn Thành	Minh	Nam	15/06/1992	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1048	25210365	10568	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	08/10/1993	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1049	25210582	10569	Hồ Đình	Nghĩa	Nam	17/05/1994	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1050	25210548	10570	Bùi Yến	Nhi	Nữ	16/07/1997	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1051	25210074	10571	Nguyễn Thị Trường	Thi	Nữ	13/07/1981	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1052	25210474	10572	Phạm Quỳnh	Thương	Nữ	22/12/1996	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1053	25210436	10573	Nguyễn Võ Hoàng	Tuấn	Nam	23/02/1997	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1054	25210022	10574	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	07/06/1997	08.RD	27	CK1 - Tâm thần	
1055	25210501	10575	Lê Công Tuấn	Anh	Nam	01/01/1990	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1056	25210127	10576	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	Nữ	21/08/1981	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1057	25210563	10577	Đặng Văn	Linh	Nam	14/03/1996	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1058	25210722	10578	Đặng Thị Thúy	Phương	Nữ	12/01/1990	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1059	25210015	10579	Ngô Nguyễn Minh	Trung	Nam	08/06/1990	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1060	25210353	10580	Nguyễn Thị Thúy	Vi	Nữ	06/06/1988	08.RD	27	CK1 - Thần kinh	
1061	25210289	10473	Đỗ Nguyễn Văn	An	Nam	20/09/1998	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1062	25210290	10474	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	06/03/1984	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1063	25210789	10475	Phan Thị Hoàng	Anh	Nữ	10/03/1979	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1064	25210145	10476	Trần Đức	Anh	Nam	13/03/1998	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1065	25210796	10477	Trần Duy	Bình	Nam	03/09/1984	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1066	25210144	10478	Trần Thúy	Chi	Nữ	26/11/1993	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1067	25210624	10479	Lê Ngọc	Đồng	Nam	01/12/1996	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1068	25210553	10480	Phạm Văn	Duy	Nam	02/07/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1069	25210391	10481	Đinh Thị Dương	Giang	Nữ	31/10/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1070	25210532	10482	Trần Phương	Hào	Nam	04/02/1999	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1071	25210050	10483	Lê Thị Thái	Hòa	Nữ	16/12/1994	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1072	25210302	10484	Ngô Như	Hòa	Nữ	03/02/1993	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1073	25210628	10485	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	Nữ	24/07/1970	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1074	25210297	10486	Võ Quốc	Khang	Nam	15/10/1993	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1075	25210497	10487	Đoàn Thị Vân	Khánh	Nữ	20/09/1996	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1076	25210522	10488	Phan Thị Ngọc	Liên	Nữ	26/07/1992	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1077	25210406	10489	Nguyễn Thanh	Lương	Nam	08/10/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1078	25210260	10490	Nguyễn Khôi	Minh	Nam	21/02/1992	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1079	25210197	10491	Tôn Nữ Hoàng	My	Nữ	13/06/1995	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1080	25210033	10492	Trịnh Minh	Nam	Nam	06/01/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1081	25210591	10493	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	27/04/1984	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1082	25210760	10494	Nguyen Thi Thuy	Nga	Nữ	31/08/1984	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1083	25210487	10495	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	19/01/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1084	25210394	10496	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	31/01/1998	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1085	25210199	10497	Nguyễn	Phúc	Nam	12/09/1990	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1086	25210373	10498	Lê Thị Hà	Phuong	Nữ	26/01/1999	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1087	25210819	10499	Nguyễn Tấn	Phuong	Nam	02/04/1979	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1088	25210712	10500	Cao Trần Vũ	Son	Nam	26/04/1993	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1089	25210019	10501	Lê Huỳnh Hải	Son	Nam	04/07/1997	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1090	25210405	10502	Trần Ngọc	Thạch	Nam	31/10/1996	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1091	25210278	10503	Trương Hoàng Anh	Thảo	Nữ	25/10/1974	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1092	25210032	10504	Huynh Kha	Thong	Nam	24/06/1999	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1093	25210610	10505	Trương Thanh Anh	Thư	Nữ	31/08/1991	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1094	25210195	10506	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	25/05/1982	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1095	25210257	10507	Huỳnh Thị Thu	Thủy	Nữ	01/12/1983	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1096	25210189	10508	Mao Bạch	Thủy	Nữ	04/10/1979	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1097	25210026	10509	Nguyễn Hữu	Tĩnh	Nam	10/08/1995	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1098	25210794	10510	Mai Thanh Thuy	Vũ	Nam	15/08/1976	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1099	25210002	10511	Nguyễn Quốc	Vũ	Nam	20/08/1996	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1100	25210786	10512	Phan Văn	Vương	Nam	20/01/1980	10.RD	28	CK1 - Răng Hàm Mặt	
1101	25210583	10006	Hà Đức	Anh	Nam	26/04/1992	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1102	25210823	10007	Nguyễn Văn	Bàng	Nam	20/06/1990	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1103	25210486	10008	Vương Tấn	Bình	Nam	10/06/1994	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1104	25210782	10009	Phạm Quốc	Đạt	Nam	15/06/1993	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1105	25210677	10010	Tăng Ngọc	Định	Nam	12/09/1987	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1106	25210285	10011	Phạm Đức	Đô	Nam	05/04/1999	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1107	25210150	10012	Lê Thế	Dũng	Nam	10/08/1978	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1108	25210416	10013	Huỳnh Lê Hoàng	Giăng	Nam	28/04/1996	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1109	25210264	10014	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	26/07/1994	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1110	25210080	10015	Thạch Vũ	Khương	Nam	14/10/1996	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1111	25210681	10016	Lương Sơn	Lâm	Nam	04/10/1993	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1112	25210490	10017	Lê Văn	Lộc	Nam	10/03/1995	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1113	25210458	10018	Đỗ Quang	Minh	Nam	01/03/1997	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1114	25210334	10019	Nguyễn Quốc	Nhớ	Nam	03/07/1990	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1115	25210389	10020	Trần Quang	Phong	Nam	21/05/1979	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1116	25210769	10021	Lý Hùng	Sơn	Nam	20/02/1981	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1117	25210041	10022	Nguyễn Tiến	Tâm	Nam	20/10/1991	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1118	25210538	10023	Đàng Hoàng	Thạch	Nam	23/03/1994	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1119	25210730	10024	Phạm Nguyễn Thanh	Trung	Nam	12/02/1981	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1120	25210061	10025	Đỗ Đức	Trường	Nam	19/03/1993	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1121	25210374	10026	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	12/12/1993	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1122	25210602	10027	Hoàng	Tùng	Nam	30/10/1993	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1123	25210631	10028	Nguyễn Đức Mạnh	Vũ	Nam	19/03/1998	11.RD	29	CK1 - Chấn thương chỉnh hình	
1124	25210727	10131	Võ Hồ Hoàng	An	Nam	22/06/1993	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1125	25210550	10132	Lê Ngọc	Anh	Nam	27/11/1992	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1126	25210810	10133	Lương Thế	Anh	Nam	17/08/1992	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1127	25210609	10134	Nguyễn Diên	Bình	Nam	15/07/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1128	25210246	10135	Trịnh Ngọc	Cần	Nam	10/10/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1129	25210731	10136	Nguyễn Minh	Châu	Nam	08/08/1998	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1130	25210438	10137	Lưu Hải	Đăng	Nam	20/12/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1131	25210491	10138	Phan Văn	Đức	Nam	04/10/1996	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1132	25210179	10139	Trương Nguyễn Hương	Giang	Nữ	08/06/1992	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1133	25210763	10140	Bùi Chí	Hiếu	Nam	04/08/1996	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1134	25210592	10141	Thạch Thị Thúy	Kiều	Nữ	23/06/1997	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1135	25210557	10142	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	23/09/1997	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1136	25210141	10143	Võ Văn	Mun	Nam	01/01/1987	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1137	25210467	10144	Hồ Hoàng	Nam	Nam	25/05/1993	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1138	25210741	10145	Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	09/12/1991	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1139	25210749	10146	An Đình	Quang	Nam	12/10/1990	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1140	25210284	10147	Đỗ Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nữ	19/08/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1141	25210354	10148	Trần Văn	Quỳnh	Nam	26/06/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1142	25210011	10149	Phạm Văn	Thanh	Nam	16/10/1977	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1143	25210371	10150	Võ Thị Ngọc	Thoa	Nữ	20/03/1990	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1144	25210163	10151	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	14/08/1993	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1145	25210381	10152	Phạm Thành	Trung	Nam	26/12/1990	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1146	25210235	10153	Trần Hùng	Trường	Nam	20/07/1986	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1147	25210054	10154	Võ Nhật	Trường	Nam	06/08/1996	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1148	25210621	10155	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	08/06/1996	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1149	25210477	10156	Đào Anh	Tuấn	Nam	08/09/1994	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1150	25210520	10157	Bùi Mộng	Tường	Nam	01/05/1976	11.RD	29	CK1 - Gây mê hồi sức	
1151	25210755	10223	Vũ Thị Hồng	Ấn	Nữ	04/04/1983	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1152	25210174	10224	Nguyễn Văn	Bé	Nam	21/03/1980	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1153	25210296	10225	Nguyễn Lý	Bình	Nam	08/10/1983	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1154	25210623	10226	Đặng Thị Kim	Cương	Nữ	16/07/1997	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1155	25210820	10227	Bùi Minh	Danh	Nam	15/05/1995	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1156	25210396	10228	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	11/12/1986	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1157	25210329	10229	Trần Hoài	Hiếu	Nam	25/11/1992	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1158	25210390	10230	Nguyễn Phan Thanh	Nhã	Nữ	19/11/1997	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1159	25210626	10231	Hoàng Đức	Thịnh	Nam	27/10/1996	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1160	25210446	10232	Lư Thị Cẩm	Tiên	Nữ	03/04/1996	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1161	25210566	10233	Trần Quang	Vinh	Nam	08/10/1991	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1162	25210604	10234	Đỗ Thuý	Vy	Nữ	20/12/1994	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1163	25210422	10235	Đinh Quý Gia	Yên	Nữ	05/09/1997	12.RD	30	CK1 - Nhân khoa	
1164	25210658	10513	Phạm Hải	Ấu	Nữ	07/08/1984	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1165	25210469	10514	Nguyễn Thị Mộng	Các	Nữ	17/05/1998	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1166	25210665	10515	Nguyễn Hồng	Đoan	Nữ	17/08/1989	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1167	25210547	10516	Lưu Hoàng	Đức	Nam	31/10/1992	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1168	25210572	10517	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/10/1991	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1169	25210440	10518	Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/09/1997	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1170	25210560	10519	Đỗ Mỹ	Linh	Nữ	29/09/1985	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- **X: Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước **9g00 ngày 25/8/2025**, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1171	25210824	10520	Nguyễn Thị	Mướt	Nữ	10/06/1986	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1172	25210456	10521	Lê Thị Thanh	Nga	Nữ	10/03/1991	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1173	25210298	10522	Nguyễn Thị Tần	Nghi	Nữ	20/06/1997	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1174	25210306	10523	Nguyễn Hoàng Hữu	Nhã	Nam	06/11/1998	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1175	25210213	10524	Ngô Thị Tuyết	Nhi	Nữ	21/05/1998	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1176	25210162	10525	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	30/08/1977	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1177	25210507	10526	Huỳnh Thị Kim	Oanh	Nữ	04/02/1991	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1178	25210287	10527	Tổng Hồ	Phát	Nam	27/08/1995	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1179	25210356	10528	Lê Nguyễn Uyên	Phương	Nữ	01/01/1990	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1180	25210511	10529	Phan Thị Thu	Thánh	Nữ	18/05/1995	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1181	25210504	10530	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	04/11/1998	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1182	25210573	10531	Vì Thị Phương	Thảo	Nữ	08/04/1994	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1183	25210564	10532	Đoàn Nguyễn Mai	Trang	Nữ	11/09/1995	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1184	25210048	10533	Nguyễn Thị Minh	Triết	Nữ	29/10/1979	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1185	25210124	10534	Đinh Thị Kiều	Uyên	Nữ	10/05/1985	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1186	25210299	10535	Trần Nhật	Uyên	Nữ	28/02/1998	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1187	25210492	10536	Lại Thị	Xuyến	Nữ	23/06/1984	12.RD	30	CK1 - Sản phụ khoa	
1188	25210128	10583	Lê Hoàng	Vũ	Nam	22/12/1989	12.RD	30	CK1 - Ung thư	
1189	25210765	10001	Lê Thị Huyền	Ấn	Nữ	28/01/1997	13.RD	31	CK1 - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
1190	25210493	10002	Đoàn Lâm Vĩnh	Bảo	Nam	30/03/1994	13.RD	31	CK1 - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
1191	25210122	10003	Nguyễn Dũng	Đang	Nam	10/10/1987	13.RD	31	CK1 - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
1192	25210274	10004	Thạch Keo	Mony	Nam	10/10/1980	13.RD	31	CK1 - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
1193	25210029	10005	Nguyễn Thị Mỹ	Thom	Nữ	11/12/1990	13.RD	31	CK1 - Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
1194	25210169	10111	Võ Quốc	Chuyến	Nam	15/03/1992	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1195	25210452	10112	Huỳnh Trí	Cường	Nam	11/11/1990	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1196	25210170	10113	Lê Hải	Đặng	Nam	14/04/1986	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1197	25210655	10114	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	02/07/1995	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1198	25210678	10115	Huỳnh Thị Trúc	Giăng	Nữ	20/11/1987	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1199	25210814	10116	Phan Thị	Hậu	Nữ	06/07/1984	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1200	25210133	10117	Trương Minh	Kiên	Nam	25/02/1997	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1201	25210137	10118	Trần Trung	Nghĩa	Nam	25/09/1993	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1202	25210349	10119	Đặng Thị	Ngoan	Nữ	29/06/1984	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1203	25210118	10120	Trần Thị Kim	Ngọc	Nữ	07/05/1999	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1204	25210159	10121	Viên Thành	Phát	Nam	19/05/1197	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1205	25210815	10122	Nguyễn Tấn	Phong	Nam	19/12/1985	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1206	25210097	10123	Trần Minh	Phú	Nam	11/11/1995	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1207	25210433	10124	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	03/12/1987	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1208	25210809	10125	Trần Cường	Quốc	Nam	01/07/1977	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1209	25210601	10126	Lê Tấn	Sĩ	Nam	11/09/1991	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1210	25210442	10127	Nguyễn Thị Trúc	Thắm	Nữ	24/05/1984	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1211	25210555	10128	Nguyễn Thị Thanh	Thán	Nữ	10/10/1985	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1212	25210095	10129	Trần Ngọc Bảo	Trần	Nữ	06/12/1996	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1213	25210075	10130	Trương Thị	Trinh	Nữ	10/06/1992	13.RD	31	CK1 - Dược lý và dược lâm sàng	
1214	25210444	10177	Lý Công	Khanh	Nam	06/09/1983	13.RD	31	CK1 - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	
1215	25210498	10178	Lâm Hoàng Uyên	Nhi	Nữ	08/05/1993	13.RD	31	CK1 - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	

DANH SÁCH PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Ghi chú

- X: **Miễn NN**

- **Nền vàng: có bổ sung hoặc thay đổi về phòng thi**

- **Thí sinh cần hoàn tất các khoản phí trước 9g00 ngày 25/8/2025, nếu không thì không được vào phòng thi**

- **Thí sinh chưa có Giấy báo dự liên hệ Phòng kế toán để hoàn tất phí và nhận giấy báo dự thi**

STT	Mã hồ sơ	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Giảng đường	Phòng thi	Bậc đào tạo - Chuyên ngành	Ghi chú
1216	25210683	10179	Phạm Văn	Phụng	Nam	10/10/1980	13.RD	31	CK1 - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	
1217	25210005	10180	Thị	Phương	Nữ	06/10/1986	13.RD	31	CK1 - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	
1218	25210419	10581	Lê Thị	Tươi	Nữ	26/08/1988	13.RD	31	CK1 - Tổ chức quản lý Dược	
1219	25210670	10582	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	Nữ	15/09/1981	13.RD	31	CK1 - Tổ chức quản lý Dược	
1220	25210110	10621	Trần Công	Son	Nam	20/04/1996	13.RD	31	CK1 - Y học dự phòng	
1221	25240116	10653	Đặng Thế	Hùng	Nam	08/10/1981	13.RD	31	CK1 - Y tế công cộng	
1222	25210027	10176	Trương Thùy	Linh	Nữ	20/08/1991	14.RD	32	CK1 - Huyết học	
1223	25210345	10584	Lê Thuý	An	Nữ	21/11/1990	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1224	25210107	10585	Nguyễn Phú	An	Nam	21/11/1996	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1225	25210346	10586	Bùi Phương	Anh	Nữ	12/02/1996	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1226	25210792	10587	Trần Thị Minh	Anh	Nữ	10/11/1997	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1227	25210383	10588	Võ Hoàng	Anh	Nam	01/03/1999	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1228	25210182	10589	Nguyễn Văn	Bằng	Nam	07/02/1986	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1229	25210754	10590	Trịnh Ngọc	Cầm	Nam	10/10/1986	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1230	25210412	10591	Vũ Thị Diệu	Chi	Nữ	01/01/1995	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1231	25210608	10592	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	29/11/1990	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1232	25210546	10593	Nguyễn Thanh	Điện	Nam	17/03/1984	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1233	25210825	10594	Trần Văn	Dương	Nam	01/06/1986	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1234	25210366	10595	Phan Thị Thuý	Duyên	Nữ	13/03/1991	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1235	25210087	10596	Châu Kim	Hân	Nữ	05/02/1995	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1236	25210767	10597	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nữ	10/11/1998	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1237	25210817	10598	Lê Khắc	Huy	Nam	01/02/1980	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1238	25210428	10599	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	20/11/1985	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1239	25210476	10600	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	29/12/1990	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1240	25210070	10601	Nguyễn Chí	Lin	Nam	10/07/1987	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1241	25210104	10602	Trương Thanh	Long	Nam	06/06/1976	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1242	25210673	10603	Nguyễn Bá	Mão	Nam	29/04/1987	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1243	25210327	10604	Phạm Thành	Minh	Nam	21/01/1998	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1244	25210606	10605	Trần Đại	Nghĩa	Nam	06/01/1989	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1245	25210021	10606	Trần Thị	Ngoân	Nam	15/05/1982	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1246	25210505	10607	Lê Thanh	Nhân	Nam	09/09/1996	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1247	25210669	10608	Võ Hoàng	Nhân	Nam	12/02/1998	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1248	25210316	10609	Nguyễn Tấn	Quý	Nam	08/07/1995	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1249	25210082	10610	Cao Quang	Sang	Nam	19/02/1987	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1250	25210113	10611	Trần Văn	Tài	Nam	01/07/1987	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1251	25210120	10612	Lý Trúc	Tâm	Nữ	27/10/1982	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1252	25210210	10613	Nguyễn Phạm Lan	Thanh	Nữ	29/07/1999	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1253	25210171	10614	Trương Hồng	Thoại	Nam	10/12/1993	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	
1254	25210629	10615	Trần Anh	Thư	Nam	17/09/1987	14.RD	32	CK1 - Y học cổ truyền	